



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 19/2026
Từ 18/5 - 22/5/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: TỪ NAY ĐẾN 2030, NHÀ Ở CHO THUÊ PHẢI ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

Chiều ngày 19/5/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các bộ, ngành liên quan về tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì buổi làm việc với Đảng ủy Chính phủ và các bộ, ngành liên quan về tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư

Sau khi nghe đại diện Chính phủ báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 34 - CT/TW, ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư và nghe đại diện các cơ quan dự họp có ý kiến trao đổi, phát biểu kết luận buổi làm việc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, trong thời kỳ phát triển mới, tiếp cận nhà ở an toàn phù hợp với khả năng chi trả phải được coi là quyền cơ bản của người dân và thước đo của tiến bộ xã hội. Nhà ở phải là một bộ phận ổn định của cấu trúc đô thị, nông thôn, an sinh xã hội, an ninh đô thị, năng suất lao động và sự lành mạnh của thị trường bất động sản.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu rõ, chăm lo chỗ ở cho Nhân dân là bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Phát triển nhà ở phải được đặt trong tư duy tổng thể, không phải của riêng ngành xây dựng, hay chính sách hỗ trợ người nghèo. Đây là vấn đề của liên ngành, liên cấp, liên vùng gắn với quy hoạch đô thị, đất đai, công nghiệp, giao thông công cộng, thị trường lao động và quản lý dân cư.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đánh giá, thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực hoàn thiện thể chế, ban hành chính sách, tháo gỡ thủ tục và thúc đẩy phát triển nhà ở. Tuy nhiên, chính sách nhà ở trong giai đoạn mới phải được thiết kế với tư duy mới, tầm nhìn mới, đảm bảo mọi người đều có chỗ ở. Nhà là để ở chứ không phải để kinh doanh, tích sản. Kết quả đạt được trong chính sách nhà ở vừa qua cơ bản chưa đạt được mục tiêu đề ra và thấp so với nhu cầu rất lớn của xã hội.

Chỉ ra một số hạn chế, bất cập, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu, phải đặt nhà ở trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia. Mỗi khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, vùng động lực và hành lang tăng trưởng phải quy hoạch nhà ở đi liền với hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội, thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục cho người dân.

Quy hoạch nhà ở phải bám sát cung - cầu lao động. Nơi nào tập trung nhiều công nhân, lao động nhập cư, khu công nghiệp, trường đại học, bệnh viện và lực lượng dịch vụ phải được ưu tiên bố trí quỹ đất, hạ tầng và cơ chế phát triển nhà ở xã hội phù hợp.

Mô hình phát triển nhà ở của Việt Nam trong giai đoạn mới không phải là mô hình bao cấp nhà ở, cũng không phó mặc cho thị trường. Nhà nước kiến tạo quỹ đất, quy hoạch, hỗ trợ tài chính, định ra tiêu chuẩn, quy chuẩn; đơn giản hóa và thuận lợi hóa các loại thủ tục hành chính liên quan; thị trường tham gia xây dựng, vận hành với lợi ích hợp lý. Người dân được tiếp cận chỗ ở ổn định, an toàn, phù hợp khả năng chi trả và đúng đối tượng; trong đó nhà ở cho thuê phải trở thành trụ cột lâu dài.

Từ nay đến 2030, nhà ở để bán vẫn cần thiết, nhưng nhà ở cho thuê phải được xác định là trụ cột chiến lược, nhất là tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, vùng nhập cư lao động và các địa bàn có giá nhà vượt xa mặt bằng thu nhập của người dân.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đề nghị, tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế pháp luật về nhà ở trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 2, khóa XVI. Nhà nước kiến tạo, quy hoạch, điều tiết thuế và tín dụng, bảo đảm công bằng, kiểm soát chống đầu cơ nhà ở. Các địa phương rà lại quỹ đất và hoàn thiện quy hoạch về nhà ở của địa phương mình, chủ động giải phóng mặt bằng, chuẩn bị quỹ đất sạch cho nhà ở chính sách, tạo mọi thuận lợi cho nhà đầu tư. Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan để đưa ra cơ chế tài chính cho nhà ở chính sách dài hạn. Doanh nghiệp có lợi ích hợp lý, đi kèm với kiểm soát tốt chi phí, chất lượng, tiến độ, giá bán và giá cho thuê.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ, cần nghiên cứu và có chính sách tăng tốc phát triển thị trường cho thuê căn hộ và khuyến khích khu vực tư nhân cùng các tổ chức phi lợi nhuận tham gia vào việc xây dựng, tài trợ vốn và quản lý cho thuê căn hộ giá thuê rẻ được Nhà nước trợ giá cho các gia đình có thu nhập thấp và rất thấp không có khả năng mua nhà ở.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu, kiểm soát chặt chẽ và minh bạch đối tượng mua nhà ở, không để đầu cơ, kiếm tiền; cần kiểm soát chặt đối tượng thụ hưởng chính sách nhà ở, cơ chế mua, bán, không để tình trạng nhà ở thành tài sản đầu cơ. Không để chính

sách nhà ở bị lợi dụng để trục lợi. Cán bộ công chức, đảng viên phải gương mẫu thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách về nhà ở.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm giao Đảng ủy Chính phủ nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển nhà ở theo mô hình mới, phù hợp với Hiến pháp, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhu cầu của nhân dân để trình Quốc hội.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HƯNG: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO LÀ YẾU TỐ SỐNG CÒN ĐỂ HIỆN THỰC HÓA KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Sáng ngày 18/5/2026, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng dự lễ chào mừng Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam và Hội nghị triển khai công nghệ chiến lược. Phát biểu tại đây, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng khẳng định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực chủ chốt, là “chìa khóa vàng”, là yếu tố sống còn để hiện thực hóa khát vọng phát triển của đất nước, chúng ta phải quyết tâm cao nhất làm bằng được, thực hiện bằng được mục tiêu từng bước làm chủ các công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ quốc gia.

Chương trình được tổ chức với chủ đề: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - Động lực chính của mô hình tăng trưởng mới”. Điểm nhấn nổi bật của chương trình là Hội nghị triển khai công nghệ chiến lược nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia.

Quan trọng nhất là đóng góp vào tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Phát biểu tại sự kiện, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng gửi tới đội ngũ các nhà trí thức, nhà khoa học, chuyên gia, doanh nhân công nghệ, những người đang cống hiến cho sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lời chào trân trọng và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Người đứng đầu Chính phủ nhắc lại, ngày 18/5/1963, tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội phổ biến khoa học, kỹ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Nhiệm vụ của khoa học, kỹ thuật là cực kỳ quan trọng, cho nên mọi ngành, mọi người đều phải tham gia công tác khoa học, kỹ thuật, để nâng cao năng suất lao động, sản xuất ra nhiều của cải vật chất, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi”. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính

là kim chỉ nam cho hoạt động khoa học công nghệ Việt Nam trên suốt chặng đường xây dựng, phát triển đất nước ta trong hơn 60 năm qua.

Theo Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Ngày Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam hôm nay không chỉ là dịp để chúng ta tôn vinh các nhà khoa học, trí thức, doanh nhân với những thành tích trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; mà còn là dịp rất quan trọng để khơi dậy niềm tự hào về trí tuệ Việt Nam, tinh thần đổi mới sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam.

Theo Thủ tướng, yêu cầu phát triển đất nước đã xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nền tảng, là động lực, là đột phá chiến lược hàng đầu để bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đây là Nghị quyết có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Đảng trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ban Chấp hành Trung ương có Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, trong đó nhấn mạnh chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.

Vừa qua, tại Kết luận số 246 ngày 12/5/2026 của Phiên họp lần thứ 3, Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 đã chỉ đạo triển khai các nội dung cụ thể, trong đó tập trung khơi thông các nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ; ưu tiên phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ.

Nhân Ngày Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ nhiệt liệt biểu dương và chúc mừng các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nhân trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đặc biệt là những hy sinh, cống hiến thầm lặng và lao động quên mình của các thế hệ những người làm công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trên mọi miền đất nước và cả ở nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, thành tựu đã đạt được, Thủ tướng cũng thẳng thắn nhìn nhận, hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực, đột phá phát triển kinh tế xã hội; huy động nguồn lực cho khoa học công nghệ chưa được chú trọng đúng mức, đào tạo, trọng dụng cán bộ khoa học công nghệ tuy đã có nhiều đổi mới, tiến bộ nhưng vẫn còn không ít bất cập; cơ chế phát triển hoạt động khoa học công nghệ chậm được hoàn thiện...

Theo Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, chúng ta vẫn đang tiếp tục triển khai rất nhiều công việc liên quan hoàn thiện thể chế, phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, đào tạo nhân lực, cơ chế tài chính, đột phá về cơ chế chính sách để thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số, thực sự đưa Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị vào cuộc sống và quan trọng nhất là đóng góp vào tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Quyết tâm cao nhất thực hiện bằng được mục tiêu làm chủ công nghệ chiến lược

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nhấn mạnh, chúng ta đang sống trong thời đại mà khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển và thay đổi từng ngày, cạnh tranh toàn cầu ngày càng tăng. Quốc gia nào có năng lực cạnh tranh cao sẽ nắm được cơ hội để vươn lên, phát triển nhanh và bền vững. Với mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào năm 2030 và nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực chủ chốt, là “chìa khóa vàng”, là yếu tố sống còn để hiện thực hóa khát vọng phát triển của đất nước.

Để đạt được mục tiêu đó, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đề nghị trong thời gian tới, chúng ta, đặc biệt là những người làm công tác khoa học công nghệ, cần tập trung vào các định hướng chính.

Thứ nhất, Bộ Khoa học và Công nghệ đóng vai trò hạt nhân cùng các bộ, cơ quan và địa phương, doanh nghiệp, viện, trường trong thực hiện phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trọng tâm là tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo các Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 và Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06/5/2026 trong đó cần quan tâm một số nội dung:

Một là, phát triển công nghệ chiến lược phải tạo ra được sản phẩm cụ thể. Sản phẩm công nghệ chiến lược được tạo ra phải có giá trị gia tăng, tính áp dụng thực tiễn, thương mại hóa và tỷ lệ nội địa hóa cao; đóng góp thực sự hiệu quả cho tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trách nhiệm này của Bộ Khoa học và Công nghệ và những người làm khoa học công nghệ là rất lớn.

Hai là, doanh nghiệp, viện, trường phải là trung tâm của hệ sinh thái. Các bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ phải nhanh chóng xây dựng nhiệm vụ, đặt hàng doanh nghiệp, viện, trường để phát triển công nghệ lõi, sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ cho nhiệm vụ điều hành, quản lý và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ. Chúng ta quyết tâm trong năm nay phải cụ thể hóa một số sản phẩm để phục vụ một số lĩnh vực trọng tâm.

Ba là, cơ chế chính sách ưu đãi phải đủ mạnh và khả thi, áp dụng được trong thực tế. Chính sách phải đi kèm hướng dẫn chi tiết để triển khai ngay, phải chỉ rõ điểm nghẽn, vướng mắc cụ thể, thẩm quyền xử lý, đề xuất tháo gỡ kịp thời. Đặc biệt, khẩn trương rà soát, tháo gỡ ngay các “điểm nghẽn” liên quan đến cơ chế tài chính cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên đảm bảo nguồn lực cho công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và doanh nghiệp công nghệ, thúc đẩy phát triển thị trường vốn cho đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Bốn là, Nhà nước phải làm tốt vai trò hướng dẫn, kết nối, đặt hàng, hỗ trợ nghiên cứu phát triển và đóng vai trò “người mua đầu tiên” đối với sản phẩm công nghệ chiến lược khi

đủ điều kiện. Tinh thần là: rõ bài toán, rõ sản phẩm, rõ cơ quan chủ trì, rõ doanh nghiệp và viện, trường tham gia, rõ nguồn lực, rõ thời hạn. Bộ, cơ quan nào được giao nhiệm vụ thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đó phải trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm đến cùng. Tập trung làm chủ công nghệ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiệu quả, trong đó Nhà nước kiến tạo thể chế; viện nghiên cứu, trường đại học tạo tri thức, công nghệ và nhân lực; doanh nghiệp là trung tâm thực hiện ứng dụng, thương mại hóa công nghệ, là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Nhà nước tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ, phát triển, thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược. Phải hình thành các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam có năng lực cạnh tranh quốc tế, dẫn dắt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế; có cơ chế để các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam chuyển giao công nghệ; từng bước tham gia và làm chủ các chuỗi công nghệ chiến lược; phát huy mạnh mẽ mạng lưới các trí thức và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ tư, đặc biệt coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phải có cơ chế vượt trội để phát hiện, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là các chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học trẻ và nhân tài công nghệ. Việc này đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai. Các trường đại học, viện nghiên cứu cần phấn đấu trở thành trung tâm nghiên cứu mạnh, trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

Thứ năm, phải chuyển mạnh từ tư duy "làm cho có" sang tư duy tạo ra sản phẩm thực chất, giá trị thực chất và hiệu quả thực chất. Mọi chương trình, nhiệm vụ KHCN, đổi mới sáng tạo phải hướng tới giải quyết các bài toán lớn của đất nước, phục vụ trực tiếp người dân, doanh nghiệp, lấy sản phẩm đầu ra, hiệu quả thực tiễn và mức độ thương mại hóa làm thước đo đánh giá kết quả thực hiện.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THỦ TƯỚNG YÊU CẦU HOÀN THÀNH PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRƯỚC 10/6/2026

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà vừa ký Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Chỉ thị nêu rõ: Thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của pháp luật, trong những năm qua việc sắp xếp thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (gọi chung là thôn, tổ dân phố) trong cả nước đã đạt được kết quả

quan trọng, số lượng thôn, tổ dân phố giảm dần; nhiều thôn, tổ dân phố đã đáp ứng tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn còn nhiều thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, bình quân số lượng thôn, tổ dân phố trên mỗi đơn vị hành chính cấp xã tăng lên nhiều, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương ở cơ sở.

Bảo đảm người dân được tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn, tổ dân phố

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; nhằm bảo đảm việc triển khai được thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong cả nước, phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện việc sắp xếp thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với tiêu chí, điều kiện theo quy định của Chính phủ và yêu cầu quản lý của địa phương khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là tại địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Trong quá trình triển khai thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với quá trình triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm ổn định tư tưởng và quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức.

Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động quần chúng nhân dân, từng bước trẻ hoá, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng và chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn, tổ dân phố theo đúng quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương tổ chức rà soát toàn bộ thôn, tổ dân phố trên địa bàn; xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố (trong đó bao gồm phương án kiện toàn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại các thôn, tổ dân phố sau sắp xếp và chính sách hỗ trợ theo quy định; đồng

thời giải quyết chế độ, chính sách cho người không tiếp tục tham gia hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố), báo cáo cấp ủy cùng cấp trước khi ban hành; hoàn thành trước ngày 10/6/2026.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân theo đúng quy định của pháp luật và trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Đề án bảo đảm công khai, minh bạch và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện; hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

Kết thúc hoạt động đối với người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã trước ngày 31/5/2026

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố kết thúc hoạt động đối với người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã trước ngày 31/5/2026. Khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; bảo đảm hoàn thành đồng bộ với thời gian hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố, trước ngày 30/6/2026.

Phương án bố trí, sử dụng phải gắn với yêu cầu cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 08/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, theo hướng:

Trên cơ sở biên chế được giao năm 2026, lựa chọn, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức cấp xã đối với các trường hợp có phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

Thực hiện chế độ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức, viên chức đối với các vị trí cần thiết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự bố trí theo quy định. Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tiếp tục bố trí, sử dụng.

Hoàn thiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, ban hành trước 26/5/2026

Bộ Nội vụ hoàn thiện các nội dung Đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo đúng chỉ đạo của Chính phủ để ban hành trước ngày 26/5/2026.

Bộ Công an chỉ đạo lực lượng công an các cấp chủ động nắm tình hình địa bàn; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc rà soát, cung cấp số liệu hộ gia đình cư trú trên địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự trong quá trình sắp xếp thôn, tổ dân phố; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở.

Phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương hướng dẫn việc rà soát, kiện toàn, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phù hợp với việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trước ngày 25/5/2026.

Nguồn: vietnamplus.vn

HOÀN THIỆN KHUNG KIẾN TRÚC TỔNG THỂ QUỐC GIA SỐ ĐỒNG BỘ, KHẢ THI

Chiều ngày 21/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đã đến thăm, làm việc với Viện Phát triển chuyển đổi xanh, chuyển đổi số Việt Nam (IGD) về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Đề xuất chuyển đổi số và an toàn - an ninh là 2 trụ cột song hành

Tại cuộc làm việc, đại diện Viện IGD chia sẻ về 5 nội dung liên quan đến chuyển đổi số quốc gia, gồm: Chuyển đổi số - chuyển đổi số quốc gia; chính phủ số; đô thị thông minh; trung tâm tính toán thông minh; dữ liệu. Đồng thời, Viện kiến nghị thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW với 2 nội dung: Trung ương thực hiện chính phủ số, địa phương thực hiện đô thị thông minh.

Để thực hiện chính phủ số, đô thị thông minh và chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực thành công, lựa chọn “đi tắt đón đầu”, Viện IGD đề xuất thiết kế tổng thể kiến trúc thượng tầng, coi đây là chiến lược quan trọng để tránh lãng phí về vật chất, con người và hệ thống, trong đó dữ liệu là yếu tố bao trùm, cốt lõi; chuyển đổi số và an toàn - an ninh là 2 trụ cột song hành; kiên trì chiến lược lấy trí tuệ nhân tạo (AI) làm cốt lõi để thành công; xây dựng chiến lược phát triển AI Agent (tác nhân AI); chiến lược mã nguồn mở; chú trọng nhân tài và đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước - doanh nghiệp - trường, viện...

Tại cuộc làm việc, các đại biểu phát biểu ý kiến, tập trung vào các nội dung: Dữ liệu, quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu; ứng dụng AI trong quản trị, điều hành, xử lý nghiệp vụ và hỗ trợ ra quyết định; chuẩn hóa dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, chuẩn kết nối, liên thông, tích hợp, dùng chung; hạ tầng số, nền tảng số dùng chung; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu; cơ chế tổ chức triển khai, phân công trách nhiệm, lộ trình thực hiện...

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Phạm Đức Long thông tin tình hình nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; kết quả rà soát, đánh giá các kiến nghị của Viện IGD.

Thứ trưởng Phạm Đức Long nhấn mạnh việc phát triển đô thị thông minh cần có sự phối hợp liên ngành chặt chẽ để đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch đô thị và các giải pháp công nghệ thông minh. Bên cạnh đó, Thứ trưởng thống nhất quan điểm chuyển dịch từ “chuyển đổi số dựa trên Internet” sang “chuyển đổi số toàn diện, lấy AI làm cốt lõi”, đây được coi là yếu tố then chốt để tạo ra sự phát triển đột phá về năng suất lao động và năng lực quản trị quốc gia.

Bảo đảm an toàn thông tin trong toàn bộ hệ thống số quốc gia

Sau khi nghe các đơn vị báo cáo, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh, chuyển đổi số, dữ liệu số và AI đang trở thành động lực quan trọng trong đổi mới phương thức quản trị, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong tổng thể đó, Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số có vai trò định hướng chung cho việc xây dựng, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh phân tán, chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

Đánh giá cao tinh thần chủ động nghiên cứu, đề xuất của Viện IGD liên quan đến phát triển nền tảng chuyển đổi số quốc gia, Phó Thủ tướng khẳng định, hướng tiếp cận lấy dữ liệu và AI làm cốt lõi cho nền tảng chuyển đổi số quốc gia là đúng đắn và phù hợp với xu thế.

Các ý kiến, đề xuất của Viện là nguồn tham khảo có giá trị để các cơ quan chức năng nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và tổ chức triển khai chuyển đổi số quốc gia.

Mục tiêu là tạo ra một Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số bảo đảm chất lượng, khoa học, khả thi, dễ triển khai, dễ vận dụng và thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc, có phân công trách nhiệm và lộ trình thực hiện rõ ràng; kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ đúng thời hạn được giao (tháng 6/2026).

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đặc biệt lưu ý vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác; bảo đảm khả năng kiểm soát rủi ro, dự phòng, khôi phục và vận hành thông suốt các hệ thống thông tin, nền tảng số.

Cùng với đó cần rà soát, làm rõ hơn các nội dung về dữ liệu là trung tâm; quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; ứng dụng AI trong quản trị, điều hành, xử lý nghiệp vụ và hỗ trợ ra quyết định; chuẩn hóa dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, chuẩn kết nối, liên thông, tích hợp và dùng chung...

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

YÊU CẦU THÁO GỖ VƯỚNG MẮC, THỨC ĐẨY GIẢI NGÂN VỐN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Ngày 19/5/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì Hội nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về tài chính và đẩy mạnh giải ngân vốn năm 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công cho khoa học công nghệ thấp hơn 20% bình quân cả nước

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, đến nay tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công trong lĩnh vực này mới đạt khoảng 14,8%, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân chung cả nước là gần 21,2% trong 5 tháng đầu năm 2026.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân cho biết, trong năm 2025 và nửa đầu năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý để thể chế hóa các chủ trương, chính sách tại Nghị quyết số 57-NQ/TW. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành tương đối đồng bộ, tạo hành lang pháp lý để triển khai đăng ký, phân bổ, giải ngân vốn cho lĩnh vực này.

Kinh phí còn lại từ nguồn bổ sung năm 2025, chuyển nguồn sang năm 2026 là trên 8.421 tỷ đồng. Tổng nguồn kinh phí năm 2026 là trên 103.441 tỷ đồng, bao gồm trên 73.441 tỷ đồng do Bộ tổng hợp và 30.000 tỷ đồng chi có tính chất khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở các lĩnh vực khác do Bộ Tài chính tổng hợp.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã có văn bản gửi các bộ, ngành và địa phương hướng dẫn việc triển khai kế hoạch khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 khoảng trên 51.868 tỷ đồng. Kinh phí còn lại chưa giao kế hoạch trong năm là 20.355,016 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên trên 2.198 tỷ đồng, chi đầu tư trên 18.156 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã bố trí 998,3 tỷ đồng cho 22/46 nền tảng số, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cho các bộ, cơ quan Trung ương đã đăng ký; tổng hợp và bố trí 2.478,6 tỷ đồng cho 35/52 cơ sở dữ liệu đã đăng ký... Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Tài chính bố trí đủ cho các bộ, ngành, địa phương có nhu cầu kinh phí và hồ sơ hợp lệ.

Về tình hình giải ngân, tính đến 12/5, tổng số đã giải ngân là trên 7.945 tỷ đồng, đạt 14,78% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương trên 4.063 tỷ đồng, đạt 14,8% kế hoạch Thủ tướng giao, vốn ngân sách địa phương trên 3.882 tỷ đồng, đạt 14,75% kế hoạch Thủ tướng giao.

Bộ trưởng Vũ Hải Quân nêu một số khó khăn liên quan đến cơ chế lập dự toán, phân bổ và quản lý kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, quy định xác định mức kinh phí trung bình 3 năm theo từng loại hình nhiệm vụ để làm cơ sở lập dự toán sẽ bất cập đối với các nhiệm vụ quy mô lớn, nhiệm vụ công nghệ chiến lược, nhiệm vụ đặc biệt hoặc các loại hình nhiệm vụ mới chưa có dữ liệu lịch sử; đồng thời chưa có hướng dẫn cụ thể về hệ số điều chỉnh do biến động chính sách, lạm phát hoặc giảm phát...

Để tiếp tục hoàn thiện thể chế, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật, một số nghị định; trong trường hợp cần thiết, tiếp tục kiến nghị Chính phủ có những nghị quyết đặc thù để tháo gỡ khó khăn cho các bộ, ngành, địa phương.

Tình hình giải ngân ngân sách các tỉnh

Tại hội nghị, một số địa phương được giao vốn lớn, đến nay có tỉ lệ giải ngân cao đã chia sẻ kinh nghiệm về cách thức triển khai. TP. Hồ Chí Minh cho biết địa phương được giao

4.437 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư 2.103 tỷ; vốn chi thường xuyên 2.334 tỷ; đến nay tỉ lệ giải ngân của TP. Hồ Chí Minh đạt 32,6%.

TP. Hà Nội được giao 3.087 tỷ đồng; trong đó vốn đầu tư 1.755 tỷ; vốn chi thường xuyên 1.332 tỷ đồng. Đến nay, tỉ lệ giải ngân của TP. Hà Nội đạt 27,8%.

Tỉnh An Giang được giao 836 tỷ đồng (đầu tư 701 tỷ; thường xuyên 135 tỷ), đến nay tỉ lệ giải ngân đạt 17,23%. Tỉnh Gia Lai được giao 164,5 tỷ đồng (đầu tư 50 tỷ; thường xuyên 114,5 tỷ), đến nay tỉ lệ giải ngân đạt 20,94%.

Các địa phương cho biết vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình phân bổ và triển khai vốn đầu tư, vốn chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, các địa phương cũng kiến nghị một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn.

Tỉnh An Giang cho biết tiến độ giải ngân hiện vẫn chậm so với kế hoạch, chủ yếu do thủ tục đầu tư, đấu thầu, mua sắm còn phức tạp, trong khi giá cả biến động lớn khiến nhiều dự án phải điều chỉnh. Tỉnh cũng khó khăn trong triển khai các nhiệm vụ mới như xây dựng kho dữ liệu số, số hóa hồ sơ, nền tảng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hay phân tích dữ liệu lớn. Nguyên nhân là nhiều nội dung chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá thống nhất để làm cơ sở lập dự toán, quyết toán.

Bên cạnh đó, việc triển khai các nền tảng dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Trung ương còn chậm, kéo theo tiến độ kết nối và chia sẻ dữ liệu tại địa phương bị ảnh hưởng. Một số địa phương hiện chưa có kho dữ liệu số và hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành đồng bộ.

Trong khi đó, tỉnh Tây Ninh cam kết giải ngân toàn bộ số vốn năm 2026 đã bố trí, đồng thời kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cũng như cơ chế quản lý, khai thác và kết nối chia sẻ dữ liệu.

Tỉnh Tây Ninh cũng đề xuất các cơ quan liên quan sớm hoàn thiện hệ thống dữ liệu dùng chung, hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu làm cơ sở xây dựng kho dữ liệu quốc gia, bảo đảm việc đầu tư các dự án số được thực hiện thống nhất, tránh trùng lặp.

“Không thể để tình trạng vốn đã giao nhưng không giải ngân được”

Kết luận hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực phát triển mới của đất nước, vì vậy cần huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm thúc đẩy mạnh mẽ lĩnh vực này trong giai đoạn tới.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đánh giá cao một số bộ, ngành, địa phương có kết quả giải ngân tích cực như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số đơn vị đạt tỉ lệ giải ngân cao. Tuy nhiên, Phó Thủ tướng chỉ rõ thực tế nhiều bộ, ngành, địa phương giải ngân rất chậm, thậm chí có nơi giải ngân bằng 0%. Theo Phó Thủ tướng, các đơn vị cần nghiêm túc nhìn nhận trách nhiệm của mình đối với tình trạng chậm giải ngân hiện nay.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu thủ trưởng các bộ, ngành, lãnh đạo các địa phương phải xác định giải ngân vốn cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách không chỉ của năm 2026 mà cả các năm tiếp theo nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Nguồn lực dành cho lĩnh vực này là rất lớn, được bố trí tới 2% ngân sách nhà nước, vì vậy không thể để xảy ra tình trạng vốn đã giao nhưng không giải ngân được.

Mục tiêu đặt ra là phải phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn trong năm 2026; bộ, ngành, địa phương nào không hoàn thành phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo cấp trên. Đồng thời, các đơn vị phải thực hiện chế độ báo cáo tiến độ giải ngân hàng tháng để Chính phủ theo dõi, đôn đốc.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh việc phân cấp hiện nay đã rất rõ ràng, do đó các bộ, ngành, địa phương cần chủ động hơn trong điều hành. Phó Thủ tướng cũng lưu ý việc bố trí vốn phải có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho các nhiệm vụ có tính chiến lược, tạo đột phá và có sức lan tỏa lớn đối với phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đồng thời yêu cầu chấm dứt tình trạng phân bổ dàn trải, manh mún, dẫn đến cuối năm không có sản phẩm nổi bật hay hiệu quả rõ ràng. Các bộ, ngành, địa phương cần tập trung nguồn lực cho những dự án có khả năng tạo ra kết quả cụ thể, đo đếm được và mang lại giá trị thực tiễn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đặc biệt nhấn mạnh các dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng số dùng chung, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ chiến lược hiện đang triển khai rất chậm dù nguồn lực đã được bố trí. Đây là những lĩnh vực then chốt cần ưu tiên tập trung triển khai trong thời gian tới. Các bộ, ngành và địa phương cần xác định rõ kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ, dự án; việc đầu tư phải gắn với hiệu quả thực tế và khả năng lan tỏa.

Về hoàn thiện thể chế, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng giao Bộ Khoa học và Công nghệ Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp phối hợp tập trung tháo gỡ toàn bộ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục đầu tư, tài chính trong tháng 6/2026. Các bộ khẩn trương sửa đổi, bổ sung các nghị định, thông tư còn bất cập liên quan đến đầu tư, phân bổ, thanh quyết toán và giải ngân vốn cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp tổng hợp toàn bộ các kiến nghị, vướng mắc của bộ, ngành, địa phương sau hội nghị để xây dựng phương án tháo gỡ. “Mục tiêu là trong tháng 6/2026 phải cơ bản giải quyết xong các khó khăn, vướng mắc để từ sau tháng 6 trở đi tiến độ giải ngân của lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt kết quả cao hơn”, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh.

Về định hướng đầu tư thời gian tới, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng yêu cầu tập trung ưu tiên hai nhóm nhiệm vụ lớn. Thứ nhất là hoàn thiện, nâng cấp hệ thống phòng

thí nghiệm quốc gia nhằm tạo nền tảng cho hoạt động nghiên cứu khoa học bởi muốn phát triển nghiên cứu khoa học thì phải có hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, đồng bộ.

Thứ hai là tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ và sản phẩm công nghệ chiến lược. Phó Thủ tướng nhấn mạnh, Chính phủ đã lựa chọn khoảng 20 nhiệm vụ công nghệ chiến lược giao cho 10 bộ, ngành triển khai và yêu cầu phải sớm tạo ra sản phẩm cụ thể, hiệu quả rõ rệt ngay trong năm 2026.

Nguồn: [vneconomy.vn](#)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: ĐƠN GIẢN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIÚP CẮT GIẢM 5.310 TỶ ĐỒNG

Thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết từ ngày 16/4 đến hết ngày 15/5/2026, cơ quan này đã cắt giảm, đơn giản hóa 151 thủ tục hành chính theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Tính chung kết quả cắt giảm thủ tục hành chính năm 2025 tới tháng 5/2026, tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính mà cơ quan này đã cắt giảm là 8.987 ngày (đạt 53,39%) và tổng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã cắt giảm là 5.310 tỷ đồng (đạt 54,73% so với năm 2024).

Đây là một trong những thông tin chính tại Báo cáo số 5136/BC-BNNMT về tình hình, kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính tháng 5/2026 và kết quả cắt giảm, phân quyền, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh theo Kết luận số 18-KL/TW, vừa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi Bộ Tư pháp trong ngày 21/5/2026.

Theo báo cáo, trong tháng 5, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận 80.131 hồ sơ thủ tục hành chính (gồm có 15.425 hồ sơ đang xử lý chuyển tiếp từ tháng 4 sang và 64.706 hồ sơ tiếp nhận mới), trong đó đã xử lý 75.348 hồ sơ. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết đạt 25,95%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 28,11%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 35,38%.

Đối với kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thành hợp nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn ngành, bảo đảm kết nối, liên thông và phục vụ giải quyết từ Trung ương đến địa phương.

Hệ thống hiện bảo đảm tiếp nhận, giải quyết 264 thủ tục hành chính cấp bộ và 319 thủ tục hành chính cấp địa phương; vận hành thống nhất trên phạm vi toàn quốc từ ngày 1/1/2026 đối với cấp tỉnh và từ ngày 22/4/2025 đối với cấp bộ. Riêng với 41 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai, bộ đang triển khai tích hợp thử nghiệm với Hệ thống thông tin đất đai tại địa phương, dự kiến hoàn thành và triển khai đồng bộ trong tháng 5/2026.

Tính đến ngày 18/5, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã cập nhật, hỗ trợ phân quyền cho 84.067 tài khoản người dùng của các đơn vị trực thuộc bộ và địa phương; hệ thống đã tiếp nhận 171.348 hồ sơ (trong đó 164.595 hồ sơ trực tuyến và 6.753 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp). Với các đơn vị trực thuộc bộ, đã tiếp nhận 1.410 hồ sơ (bao gồm 1.183 hồ sơ trực tuyến và 227 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp).

Bộ cũng đã hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Về cắt giảm, phân quyền, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh theo Kết luận số 18-KL/TW, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có 151 thủ tục hành chính cắt giảm, đơn giản hóa (gồm 81 thủ tục hành chính cắt giảm và 70 thủ tục hành chính đơn giản hóa). Số thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hoá là 638; sau khi cắt giảm, đơn giản hoá là 555 thủ tục hành chính.

Như vậy, thời gian giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm là khoảng 2.239 ngày (đạt 13,43%). Chi phí tuân thủ được cắt giảm thêm 202 tỷ đồng (đạt 2,08%). “Tính kết quả cắt giảm năm 2025 và kết quả cắt giảm lần này, tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính đã cắt giảm là 8.987 ngày đạt 53,39%, và tổng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đã cắt giảm là 5.310 tỷ đồng, đạt 54,73% so với năm 2024,” báo cáo nêu rõ.

Về nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 6/2026, báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường nhấn mạnh cơ quan này sẽ tiếp tục hoàn thiện, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi đầy đủ các phương án phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã được Chính phủ thông qua.

Cùng với đó, bộ sẽ rà soát, chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan, bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, đúng thời hạn các thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, xử lý phản ánh, kiến nghị; tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa và tái sử dụng dữ liệu.

Nguồn: vietnamplus.vn

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Sáng ngày 19/5/2026, tại Hà Nội, Bộ Tư pháp tổ chức Hội nghị tổng kết việc thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng nhấn mạnh, thời gian qua, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 đã không ngừng được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch; từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực tiễn cho thấy công tác xây dựng pháp luật đã có nhiều đổi mới tích cực. Quốc hội hoàn thành khối lượng công tác lập pháp kỷ lục với 150 luật, 49 nghị quyết quy phạm pháp luật được thông qua, tăng hơn 40% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa trước.

Chỉ trong năm 2025, Quốc hội thông qua 89 luật, bằng 146% tổng số luật được thông qua tại 16 kỳ họp thường lệ và không thường lệ trước đó của Quốc hội khóa XV; Chính phủ cũng ban hành 377 nghị định, nghị quyết quy phạm, bằng 208% so với năm 2024 (182 nghị định); các bộ, ngành đã soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 1.404 văn bản - nhiều nhất trong cả nhiệm kỳ; các địa phương đã ban hành 13.000 văn bản quy phạm pháp luật.

Trong kết quả chung đó, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo lập khuôn khổ pháp lý cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật...

Theo Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng, hiện nay, nhiều chủ trương lớn của Đảng đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị yêu cầu phân định rõ quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo văn bản; nâng cao chất lượng khảo sát thực tiễn, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế; đẩy mạnh truyền thông chính sách và thực hiện nghiêm cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 cũng nhấn mạnh công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

Đặc biệt, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đã định hướng xác định rõ thứ bậc pháp lý của các loại văn bản, mở rộng phạm vi áp dụng các nguồn bổ trợ và bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành so với pháp luật chung. Bộ Chính trị đồng thời giao Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Quốc hội xem xét tại Kỳ họp thứ 2 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

Từ đó có thể thấy, việc xây dựng Luật về văn bản quy phạm pháp luật thay thế luật hiện hành là yêu cầu khách quan, cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới quy trình xây dựng pháp luật trong giai đoạn mới.

Báo cáo tại Hội nghị, Vụ trưởng Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp) Nguyễn Quốc Hoàn cho biết, sau khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được ban hành, Bộ Tư pháp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm bảo đảm thi hành thống nhất trên toàn quốc.

Nhiều nghị định hướng dẫn, kế hoạch triển khai và quy chế kiểm tra văn bản được ban hành; các phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật được duy trì thường xuyên nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết.

Bộ Tư pháp cùng các bộ, ngành, địa phương đã chủ động hướng dẫn, kiểm tra, rà soát, kiện toàn tổ chức pháp chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật. Công tác phổ biến, quán triệt và tập huấn Luật được triển khai đồng bộ; công tác kiểm tra, rà soát, hợp nhất và pháp điển hóa hệ thống pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh... Tuy nhiên, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn những vướng mắc như: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; chưa xác định rõ thứ bậc hiệu lực và phạm vi thẩm quyền ban hành giữa các chủ thể. Một số quy định, thuật ngữ còn chưa rõ ràng; quy trình xây dựng chính sách, lấy ý kiến, thẩm định ở một số nơi còn hình thức; tình trạng chậm tiến độ, nợ văn bản quy định chi tiết vẫn xảy ra...

Tại Hội nghị, các đại biểu tập trung thảo luận về việc đánh giá toàn diện thực trạng thi hành luật và các văn bản hướng dẫn; trao đổi các định hướng lớn trong xây dựng luật mới, đặc biệt về hệ thống, thứ bậc và giá trị pháp lý của các loại văn bản, đổi mới quy trình xây dựng văn bản theo hướng chuyên nghiệp, linh hoạt, hiệu quả; đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

Ông Đồng Ngọc Ba, đại diện Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội cho rằng, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ quy trình lập pháp nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện thể chế trong giai đoạn phát triển mới. Thực tiễn hiện nay quy trình xây dựng chính sách vẫn còn hình thức, chất lượng tham vấn chưa cao và sự phối hợp giữa các cơ quan chưa chặt chẽ. Do đó, đề xuất cải cách toàn diện quy trình lập pháp theo hướng quản trị toàn bộ “vòng đời” của văn bản quy phạm pháp luật, từ hoạch định chính sách, xây dựng, ban hành đến tổ chức thi hành, giám sát và đánh giá sau ban hành.

Đồng thời, kiến nghị đổi mới việc xây dựng Chương trình lập pháp hằng năm theo hướng linh hoạt, ổn định, hạn chế bổ sung dự án dàn trải; nâng cao chất lượng đánh giá tác động chính sách, mở rộng tham vấn đối tượng chịu tác động, tăng cường phản biện của các cơ quan Quốc hội và siết chặt điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh chuyển đổi số trong lập pháp, ứng dụng AI, dữ liệu lớn, xây dựng “luật máy đọc được” và cơ sở dữ liệu pháp lý thống nhất nhằm nâng cao chất lượng, tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống pháp luật...

Từ thực tiễn địa phương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Trần Văn Bảy nêu bật nhiều kiến nghị và giải pháp cấp bách nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đáng chú ý, Thành phố đề xuất một sự thay đổi tư duy căn bản chuyển từ “quản trị quy trình” sang “quản trị kết quả” trong toàn bộ hệ thống pháp luật. Theo đó, cần tái cấu trúc luật pháp để tập trung vào hiệu quả cuối cùng thay vì quá nặng nề về thủ tục...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ XÂY DỰNG CÔNG BỐ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA GẦN 300 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, ngay sau khi hợp nhất Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải thành Bộ Xây dựng từ ngày 01/3/2025, ngành Xây dựng đã đồng thời triển khai hai nhiệm vụ lớn: ổn định tổ chức bộ máy và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 121-KL/TW và Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ.

Trong bối cảnh khối lượng công việc tăng mạnh sau sáp nhập, cùng áp lực tinh gọn tổ chức, tinh giản biên chế, Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng xác định cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trực tiếp chỉ đạo các đơn vị rà soát toàn diện các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hoàn thành chỉ tiêu về cắt giảm thủ tục hành chính

Kết quả, trong năm 2025, Bộ Xây dựng đã rà soát 451 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh với tổng thời gian giải quyết lên tới 4.750 ngày và tổng chi phí tuân thủ hơn 12.753 tỷ đồng. Sau quá trình rà soát, Bộ đã cắt giảm 56 thủ tục, đơn giản hóa 241 thủ tục, nâng tổng số thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa lên 297/451 thủ tục, đạt tỷ lệ 65,8%.

Đáng chú ý, thời gian giải quyết thủ tục đã được cắt giảm 1.691 ngày, tương đương 31,6%; chi phí tuân thủ giảm gần 4.000 tỷ đồng, tương đương 35,6%. Đây là con số rất lớn trong bối cảnh lĩnh vực xây dựng và giao thông là những ngành có phạm vi tác động rộng, liên quan trực tiếp tới doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

Không chỉ cắt giảm thủ tục hành chính, Bộ Xây dựng còn mạnh tay phân cấp thủ tục từ cấp Bộ về địa phương. Theo đó, 45 thủ tục hành chính đã được phân cấp, giảm tải đáng kể cho cơ quan trung ương, đồng thời tạo điều kiện cho địa phương chủ động xử lý hồ sơ nhanh hơn, sát thực tiễn hơn.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng cắt giảm 10/45 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và 183/447 điều kiện kinh doanh, tương ứng tỷ lệ cắt giảm 30%. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm tháo gỡ “rào cản giấy phép”, tạo môi trường đầu tư thông thoáng hơn cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hạ tầng và vận tải.

Theo ông Lâm Văn Hoàng, Chánh văn phòng Bộ Xây dựng, trong tháng 4/2026, Bộ đã rà soát toàn bộ 454 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, đề xuất bãi bỏ, đơn giản hóa và phân cấp 157 thủ tục, tương đương gần 35%; đồng thời cắt giảm 19 ngành, nghề đầu tư kinh doanh và 102/249 điều kiện kinh doanh.

Với kết quả này, Bộ Xây dựng là một trong 3 Bộ, ngành hoàn thành các chỉ tiêu theo Kết luận 18-KL/TW của Hội nghị Trung ương 2.

Đẩy mạnh số hóa, liên thông dữ liệu để tạo đột phá cải cách

Tiếp nối kết quả đạt được trong năm 2025, năm 2026 Bộ Xây dựng tiếp tục đề xuất cắt giảm thêm 56 thủ tục, đơn giản hóa 91 thủ tục và phân cấp thêm 13 thủ tục hành chính. Tổng số thủ tục hành chính dự kiến tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa và phân cấp đạt 160/454 thủ tục, tương đương 35,2%.

Nếu tính lũy kế đến nay, Bộ Xây dựng đã cắt giảm tổng cộng hơn 6.868 tỷ đồng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tương đương 54,6%; đồng thời rút ngắn 2.549 ngày xử lý hồ sơ, đạt tỷ lệ 53,7%.

Đáng nói, những thủ tục được lựa chọn cắt giảm đều là các thủ tục có tác động lớn tới hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải. Việc cải cách toàn diện giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng cơ hội đầu tư.

Để thực hiện mục tiêu này, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xây dựng 3 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp và đơn giản hóa thủ tục hành chính; trong đó 1 Nghị quyết đã được ban hành là Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP. Đồng thời, Bộ cũng xây dựng các Thông tư sửa đổi trong lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng, dự kiến ban hành trước ngày 20/5/2026 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Một trong những giải pháp được Bộ Xây dựng xác định là “đột phá” trong cải cách hành chính chính là chuyển đổi số và liên thông dữ liệu. Hiện Bộ Xây dựng đã hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành 6 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đồng bộ thường xuyên với Trung tâm dữ liệu quốc gia, bao gồm dữ liệu về hạ tầng đường sắt, đăng kiểm phương tiện, hàng hải, đường bộ, hàng không và năng lực hành nghề xây dựng.

Trong năm 2026, Bộ tiếp tục triển khai nhiều cơ sở dữ liệu quan trọng khác như: cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; hệ thống dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; dữ liệu cấp nước sạch, thoát nước đô thị; dữ liệu phát triển đô thị; dữ liệu quy hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng...

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng, khi các cơ sở dữ liệu này được kết nối, chia sẻ đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các Bộ, ngành liên quan, quá trình giải quyết thủ tục hành chính sẽ được thực hiện liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính. Người dân và doanh nghiệp sẽ không phải cung cấp lại nhiều loại giấy tờ, hồ sơ đã có trên hệ thống dữ liệu dùng chung.

Việc tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính cũng sẽ giúp giảm đáng kể thời gian thẩm định hồ sơ, giảm áp lực cho cơ quan quản lý nhà nước và nâng cao chất

lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bộ Xây dựng cho biết, đây là “điểm nghẽn” đang được tập trung tháo gỡ thông qua chuẩn hóa số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên toàn ngành.

Nguồn: moc.gov.vn

NGÀNH THUẾ MỞ CHIẾN DỊCH “LÀM SẠCH MÃ SỐ THUẾ - THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN KINH DOANH”

Cục Thuế vừa phát động chiến dịch “Làm sạch mã số thuế - Tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh” trên toàn quốc nhằm xử lý hồ sơ tồn đọng, giảm doanh nghiệp “mất tích”, rút ngắn thủ tục giải thể và tăng hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh chuyển đổi số.

Ngành thuế triển khai chiến dịch toàn quốc

Cục Thuế vừa ban hành Quyết định số 595/QĐ-CT triển khai chiến dịch “Làm sạch mã số thuế - Tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh” trong toàn ngành thuế.

Theo Cục Thuế, chiến dịch được triển khai thống nhất trong năm 2026 từ cấp Cục Thuế đến thuế tỉnh, thành phố và thuế cơ sở. Đồng thời, việc triển khai sẽ thực hiện trên cơ sở phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, chính quyền địa phương, cơ quan công an, cơ quan hải quan và các đơn vị liên quan.

Mục tiêu cốt lõi được ngành Thuế đặt ra trong thực hiện chiến dịch “Làm sạch mã số thuế - Tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh” nhằm làm sạch, chuẩn hóa và giảm thiểu số lượng người nộp thuế tồn đọng ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (trạng thái 03) và người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký (trạng thái 06).

Theo ngành thuế, việc tồn tại số lượng lớn hồ sơ ở trạng thái này đang gây áp lực lên công tác quản lý, kéo dài thời gian xử lý thủ tục hành chính, làm gia tăng hồ sơ tồn đọng và ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường kinh doanh.

Bên cạnh đó, ngành thuế cũng yêu cầu kiểm soát chặt các hồ sơ giải thể, chấm dứt hoạt động mới phát sinh để không xảy ra tình trạng chậm trễ kéo dài.

Theo đánh giá của cơ quan thuế, việc làm sạch dữ liệu mã số thuế không chỉ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế, ngăn chặn hành vi lợi dụng pháp nhân doanh nghiệp để gian lận hóa đơn, trốn thuế hoặc trục lợi ngân sách nhà nước.

Chiến dịch được triển khai với quan điểm lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ, kết hợp giữa hỗ trợ, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn với việc tăng cường quản lý rủi ro, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm.

Ngoài ra, ngành thuế xác định lấy dữ liệu làm nền tảng, lấy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin làm công cụ triển khai, đồng thời áp dụng phương thức phân nhóm quản lý rủi ro để phân bổ nguồn lực phù hợp.

Một trong những điểm đáng chú ý của chiến dịch là việc tổ chức triển khai theo phương thức phân luồng hồ sơ và phân tầng rủi ro. Theo đó, nhóm hồ sơ cần hỗ trợ sẽ được tách biệt với nhóm hồ sơ có dấu hiệu rủi ro cao để xử lý phù hợp.

Ngành thuế cũng yêu cầu bảo đảm không để việc khôi phục hiệu lực mã số thuế, giải thể hay chấm dứt hoạt động bị lợi dụng nhằm hợp thức hóa các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn hoặc các hành vi gian lận khác.

Tập trung xử lý hồ sơ tồn đọng, ngăn phát sinh mới

Từ các mục tiêu đã đề ra, trong năm 2026 ngành thuế đặt mục tiêu 100% người nộp thuế thuộc diện theo dõi trong chiến dịch được phân công đầu mỗi phụ trách cụ thể và được cập nhật trên hệ thống theo dõi thống nhất toàn ngành.

Đồng thời, cơ quan thuế sẽ kiểm soát và phát hiện kịp thời các trường hợp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký; triển khai đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ để hướng dẫn cập nhật địa chỉ kinh doanh, hoàn thiện thủ tục giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.

Đối với các hồ sơ có dấu hiệu rủi ro, mua bán hóa đơn hoặc vi phạm pháp luật thuế, ngành thuế sẽ rà soát, củng cố hồ sơ để chuyển cơ quan công an điều tra theo quy định.

Theo kế hoạch, tối thiểu 80% người nộp thuế sẽ được rà soát để cập nhật thông tin người đại diện pháp luật, thông tin liên hệ và các dữ liệu liên quan phục vụ công tác quản lý.

Ngành thuế cũng đặt mục tiêu 100% hồ sơ tồn trên hệ thống quản lý thuế được rà soát, xác định lại trạng thái thực tế nhằm xử lý tình trạng hồ sơ "tồn ảo", tức các trường hợp không còn phát sinh trong thực tế hoặc đã xử lý xong nhưng chưa cập nhật kết quả.

Với nhóm hồ sơ tồn đọng trạng thái 03, ngành thuế đặt mục tiêu tối thiểu 35% số hồ sơ tồn tại thời điểm ngày 31/3/2026 được xử lý dứt điểm trước ngày 31/12/2026 nếu đủ điều kiện theo quy định.

Trong đó, cơ quan thuế ưu tiên xử lý các hồ sơ không phát sinh doanh thu, không phát sinh hóa đơn hoặc hồ sơ kéo dài trên 12 tháng.

Ở nhóm doanh nghiệp trạng thái 06, ngành thuế yêu cầu 100% doanh nghiệp có phát hành hóa đơn điện tử nhưng không kê khai thuế phải được rà soát, đánh giá rủi ro và phân nhóm xử lý.

Đồng thời, 100% doanh nghiệp trạng thái 06 không hợp tác để hoàn thành nghĩa vụ thuế sẽ bị công khai thông tin theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

Ngành thuế cũng đặt mục tiêu 100% vụ việc có dấu hiệu hình sự rõ ràng được củng cố hồ sơ và chuyển cơ quan công an kiến nghị điều tra, khởi tố theo quy định.

Đối với nhiệm vụ ngăn phát sinh mới, cơ quan thuế đặt mục tiêu từ quý 2-2026 giảm thời gian giải quyết bình quân hồ sơ giải thể, chấm dứt hoạt động xuống còn không quá 4 tháng đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện xử lý. Tỷ lệ doanh nghiệp hoàn thành

thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trong tổng số doanh nghiệp rời bỏ thị trường năm 2026 được đặt mục tiêu tối thiểu đạt 40%.

Ngoài ra, số lượng doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký phát sinh mới trong năm 2026 phải giảm tối thiểu 20% so với năm 2025. Ngành thuế cũng yêu cầu 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh mới thành lập thuộc diện quản lý được tiếp cận tài liệu phổ biến chính sách và hướng dẫn tuân thủ cơ bản ngay từ đầu.

Theo Cục Thuế, trong bối cảnh nền kinh tế đang đẩy mạnh chuyển đổi số và cải thiện môi trường đầu tư, việc doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế đang trở thành một trong những “điểm nghẽn” lớn của công tác quản lý thuế.

Tình trạng này không chỉ làm tăng hồ sơ tồn đọng, kéo dài thủ tục hành chính mà còn gây lãng phí nguồn lực xã hội, ảnh hưởng tới tính minh bạch của môi trường kinh doanh và tiềm ẩn nguy cơ thất thu ngân sách nhà nước.

Vì vậy, ngành thuế cho rằng việc triển khai chiến dịch là cần thiết nhằm xử lý thực chất hồ sơ tồn đọng, tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế có thiện chí tuân thủ, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ và tăng hiệu quả quản trị dữ liệu.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của thành phố Hà Nội xác định mục tiêu xuyên suốt là tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ và đẩy mạnh chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.

Thành phố đặt trọng tâm vào việc khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Đáng chú ý, thành phố Hà Nội xác định tiếp tục tinh gọn bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đổi mới quản trị theo hướng hiện đại, trách nhiệm giải trình cao, gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Trong giai đoạn 2026 - 2027, thành phố đặt mục tiêu hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế đặc thù cho Hà Nội thông qua việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Luật Thủ đô năm 2026; đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách về đổi mới quản lý và tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Thành phố cũng phấn đấu hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố; bảo đảm 100% sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã đạt cấp độ 3 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu.

Một trong những mục tiêu đáng chú ý là 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện sẽ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ hành chính (SIPAS) được đặt mục tiêu đạt tối thiểu 89%, trong đó mức độ hài lòng đối với dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 87%.

Đến giai đoạn 2028 - 2030, Hà Nội hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là đội ngũ cấp chiến lược và cấp xã.

Thành phố đặt mục tiêu mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; riêng các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

Bên cạnh đó, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công đạt 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 90% tổng số giao dịch của thành phố.

Hà Nội cũng đặt mục tiêu 100% sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã đạt cấp độ 4 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu, trong đó 90% đạt cấp độ 5; 100% cơ quan nhà nước thuộc thành phố cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn. Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của thành phố phấn đấu nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.

Theo kế hoạch, yêu cầu xuyên suốt của công tác cải cách hành chính là phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu thực tế của người dân, doanh nghiệp, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của cải cách; lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Các cấp, các ngành được yêu cầu nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm lớn, hành động quyết liệt, bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình và gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá cán bộ, nhất là người đứng đầu.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Hà Nội xác định 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trong đó, thành phố nhấn mạnh yêu cầu kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục rườm rà, chồng chéo; đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu số hóa. Cùng với đó là đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành gắn với chuyển đổi số, xây dựng văn hóa số trong các cơ quan nhà nước; chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo, phục vụ; tăng cường kiểm tra công vụ, xử lý nghiêm tình trạng chậm trễ, gây phiền hà cho người dân, tổ chức.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; đồng thời phối hợp các đơn vị tham mưu các nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và công tác tuyên truyền về cải cách hành chính.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHẢI CẮT BỎ 100% ĐIỀU KIỆN KINH DOANH KHÔNG CẦN THIẾT TRƯỚC 01/6/2026

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa có văn bản chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của Thành phố, trong đó yêu cầu các sở, ngành, địa phương rà soát, cắt

giảm 50% thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính và loại bỏ hoàn toàn 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết, hoàn thành trước ngày 01/6/2026.

Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước ngày 01/6/2026

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính. Các lãnh đạo trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm soát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Đồng thời, các đơn vị tập trung rà soát, xử lý dứt điểm các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao, bảo đảm không để tồn đọng, quá hạn. Các cơ quan thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ trên hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Thành phố.

Cơ quan chức năng kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời xử lý hồ sơ trễ hạn, hạn chế phát sinh hồ sơ quá hạn.

Cơ quan, đơn vị cũng khẩn trương rà soát danh mục thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý. Quy định này trừ các thủ tục hành chính đã được Bộ, ngành ban hành mới, bãi bỏ hoặc đã được Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết số 66/NQ-CP.

Song song đó, các đơn vị đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Phương án phải đảm bảo cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024 và cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết theo quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, hoàn thành trước ngày 01/6/2026.

Các bên nghiên cứu phương án mẫu đính kèm, xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính để tái sử dụng thông tin, thay thế thành phần hồ sơ từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cũng chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương, nhất là trong việc hướng dẫn, hỗ trợ cấp xã vận hành các phần mềm chuyên ngành, bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông suốt, hiệu quả.

Các cơ quan tổ chức tiếp nhận, phân loại và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, nâng cao chất lượng xử lý, hạn chế tình trạng chậm trễ, kéo dài.

Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đơn vị này định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, cung cấp số liệu về Sở Nội vụ để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, đôn đốc việc thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tăng cường tái sử dụng dữ liệu. Đồng thời, cơ quan này nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm 100% thủ tục đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình và tối thiểu 80% hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

Sở Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị các Bộ, ngành khắc phục các tồn tại, bất cập của Cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chuyên ngành, bảo đảm kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố nghiên cứu, đề xuất thành lập đội hỗ trợ kỹ thuật phản ứng nhanh nhằm kịp thời xử lý sự cố phát sinh tại cơ sở, bảo đảm hoạt động hệ thống thông suốt.

Sở Nội vụ được giao xây dựng Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026 - 2030”; tham mưu sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối, triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn II bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả.

Văn bản nêu rõ Sở Nội vụ tham mưu tiếp tục triển khai thực hiện việc rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức tại các xã, phường, đặc khu và kế hoạch rà soát, sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn Thành phố.

Nguồn: plo.vn

LÀO CAI: NÂNG HẠNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH BẰNG VIỆC LÀM THIẾT THỰC

Theo kết quả công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của Bộ Nội vụ, tỉnh Lào Cai đạt 99,66% ở lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính, xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố và cao hơn mức bình quân chung cả nước. Đây là lĩnh vực đạt kết quả cao nhất trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

Điểm nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính của Lào Cai không chỉ nằm ở thứ hạng được cải thiện mà ở sự thay đổi trong tư duy điều hành, từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Âu Lâu, ngay từ đầu giờ sáng đã có khá đông người dân đến thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, hộ tịch, chứng thực, đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, thay vì cảnh chen chúc, chờ đợi kéo dài như trước, nhiều thủ tục được giải quyết nhanh chóng trên môi trường số với sự hỗ trợ trực tiếp của cán bộ tại quầy.

Để tạo thuận lợi cho người dân, cán bộ tại bộ phận một cửa không chỉ tiếp nhận hồ sơ mà còn trực tiếp hỗ trợ người dân tạo tài khoản dịch vụ công, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ trên môi trường số. Đối với nhiều người lớn tuổi hay người dân ở khu vực nông thôn, việc được “cầm tay chỉ việc” giúp họ từng bước làm quen với môi trường số, thay đổi thói quen thực hiện thủ tục hành chính.

Một trong những điểm nhấn quan trọng nữa trong cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Lào Cai thời gian qua là triển khai tiếp nhận 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính từ ngày 01/12/2025. Theo đó, người dân và doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ tại bất cứ bộ phận một cửa nào trên địa bàn tỉnh mà không cần quay về nơi cư trú như trước đây.

Để triển khai hiệu quả, tỉnh Lào Cai đã tập trung nâng cấp, hoàn thiện các chức năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo đồng bộ dữ liệu và đầy đủ chữ ký số. Đồng thời, cập nhật quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh và cấp xã trên hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường số.

Chị Phạm Thị Mai Anh, cán bộ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lào Cai cho biết, hiện nhiều hồ sơ đất đai đã được tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính. Theo đó, người dân ở các xã như Mậu A, Lục Yên hay Yên Bình có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ bộ phận một cửa nào trên địa bàn tỉnh, kể cả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Song song với việc triển khai thủ tục hành chính phi địa giới hành chính, tỉnh Lào Cai còn thực hiện công khai 100% nội dung, quy định về các bộ phận cấu thành thủ tục hành chính; thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết đối với 790 thủ tục hành chính và đang phấn đấu cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính và 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024.

Tỉnh cũng đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; số hoá hồ sơ, tích cực hướng dẫn người dân thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy được sắp xếp, tinh gọn, giảm các tầng nấc trung gian; cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền được đẩy mạnh gắn với năng lực thực thi.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Lào Cai vẫn còn một số khó khăn. Hiện nay, cán bộ, công chức cấp xã phải tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên nhiều hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành khác nhau, dẫn đến mất nhiều thời gian trong quá trình theo dõi, xử lý và giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, quy trình giải quyết thủ tục hành chính giữa các bộ, ngành vẫn chưa thống nhất, gây khó khăn cho cán bộ trong quá trình hướng dẫn người dân thực hiện. Một số thủ tục hành chính chưa được tích hợp đầy đủ trên hệ thống, nhất là các nội dung liên quan đến phí, lệ phí và thanh toán trực tuyến. Ngoài ra, nhiều cán bộ, công chức cấp xã chưa được cấp tài khoản hoặc phân quyền đầy đủ để tham gia xử lý hồ sơ.

Có thể thấy, những bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính của Lào Cai không đến từ các giải pháp mang tính hình thức mà được tạo dựng từ những thay đổi cụ thể, thiết thực ngay từ cơ sở.

Khi thủ tục hành chính được đơn giản hóa, dữ liệu được kết nối, đội ngũ cán bộ đổi mới tác phong phục vụ và người dân từng bước tiếp cận môi trường số, cải cách hành chính mới thực sự đi vào cuộc sống. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương trong giai đoạn mới.

Nguồn: baolaocai.vn

SƠN LA CÔNG BỐ KẾT QUẢ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DCCI) NĂM 2025

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La vừa tổ chức Hội nghị công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DCCI) năm 2025. Theo đó, trong khối sở, ngành, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh dẫn đầu bảng xếp hạng với 76,30 điểm.

Năm 2025 là năm thứ 5 Sơn La triển khai đánh giá DCCI với sự hỗ trợ của Dự án GREAT do Chính phủ Australia tài trợ. Đây cũng là năm đầu tiên tỉnh áp dụng mô hình đánh giá mới “Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương”, thay cho mô hình cấp huyện trước đây, phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp sau sắp xếp.

Theo Ban tổ chức, DCCI Sơn La 2025 được xây dựng theo hướng cập nhật, tập trung vào các trụ cột then chốt của môi trường đầu tư kinh doanh như: tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy cạnh tranh, phát triển bền vững và nâng cao vai trò điều hành của chính quyền. Phương pháp đánh giá mới được kỳ vọng phản ánh sát hơn cảm nhận thực tế của doanh nghiệp về chất lượng quản trị và hiệu quả phục vụ của các cơ quan, đơn vị.

Đáng chú ý, bộ chỉ số năm nay bổ sung nhóm tiêu chí về phát triển bền vững, tích hợp các nội dung liên quan đến tăng trưởng xanh, đổi mới sáng tạo và phát triển bao trùm. Tỉnh cũng nâng cấp phần mềm khảo sát, mở rộng tỷ lệ khảo sát trực tuyến lên 30% nhằm nâng cao tính minh bạch, khách quan và hiệu quả thu thập dữ liệu.

Quá trình xây dựng và triển khai DCCI có sự tham gia của nhiều tổ chức, hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp, góp phần bảo đảm tính đa chiều trong đánh giá. Những phản hồi từ doanh nghiệp được xem là cơ sở quan trọng để tinh nhận diện rõ hơn những điểm nghẽn trong điều hành, từ đó đề ra giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Tại hội nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố kết quả xếp hạng DCCI năm 2025 và vinh danh các đơn vị có nhiều đổi mới trong cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp.

Trong khối sở, ngành, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La dẫn đầu bảng xếp hạng với 76,30 điểm nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp minh bạch thông tin, cải tiến thủ tục hành chính và tăng cường tương tác với doanh nghiệp. Xếp thứ hai là Sở Nội vụ tỉnh Sơn La với 76,24 điểm; đứng thứ ba là Sở Công Thương tỉnh Sơn La đạt 75,71 điểm.

Kết quả DCCI năm nay cho thấy nhiều chuyển biến tích cực trong công tác điều hành ở các sở, ngành và địa phương. Cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận những nỗ lực trong cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát chi phí thời gian, giảm chông chéo trong thanh tra, kiểm tra và nâng cao tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp.

Phát biểu tại hội nghị, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Trung Chiến nhấn mạnh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp, xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển.

Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành và địa phương tiếp tục đổi mới tư duy quản lý theo hướng chính quyền phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đồng thời, tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết công việc.

Các đơn vị cũng được yêu cầu xây dựng kế hoạch cải thiện DCCI cụ thể, rõ trách nhiệm, rõ thời gian thực hiện; đề cao vai trò người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức công vụ và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tiếp tục phát huy vai trò đầu mối tham mưu triển khai DCCI; phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn nghiên cứu hoàn thiện phương pháp đánh giá phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng kêu gọi Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã cùng cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp tục đồng hành, tích cực góp ý chính sách, phản ánh khó khăn, đề xuất giải pháp nhằm chung tay xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh của Sơn La ngày càng minh bạch, ổn định và hấp dẫn hơn.

Nguồn: daibieunhandan.vn

QUẢNG NINH: HỘI NGHỊ PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU CHỈ SỐ PAR INDEX, SIPAS, PCI, BPI

Ngày 21/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức Hội nghị phân tích chuyên sâu Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) của tỉnh Quảng Ninh năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026.

Cải cách hành chính không chỉ dừng ở thủ tục

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX của tỉnh đạt 93,16/100 điểm, tăng 1,67 điểm so với năm 2024, đứng thứ

2/34 tỉnh, thành phố. Đáng chú ý, nhóm tiêu chí “Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội” đạt 15,25/16,5 điểm, xếp thứ nhất cả nước. Đây là chỉ báo quan trọng cho thấy cải cách hành chính không chỉ dừng ở thủ tục nội bộ mà đã tạo tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống dân cư.

Ở Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2025, Quảng Ninh đạt 67,55 điểm, tiếp tục nằm trong nhóm 5 địa phương có chất lượng điều hành kinh tế cấp tỉnh “Tốt”. Đây là năm thứ 13 liên tiếp tỉnh duy trì trong nhóm dẫn đầu PCI, cho thấy tính ổn định của môi trường đầu tư và năng lực điều hành kinh tế địa phương. Trong 9 chỉ số thành phần PCI, Quảng Ninh có 4 chỉ số thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, gồm cạnh tranh bình đẳng xếp thứ 3, chính quyền kiến tạo xếp thứ 4, tiếp cận nguồn lực và thiết chế pháp lý cùng xếp thứ 7.

Một điểm sáng lớn là chỉ số “Chính quyền kiến tạo” đạt 6,41 điểm, xếp thứ 4/34 địa phương. Có 90,8% doanh nghiệp đánh giá Ủy ban nhân dân tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; 90,59% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Theo ông Đậu Anh Tuấn - Trưởng Ban pháp chế Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam: “Điều này cho thấy mô hình chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp tại Quảng Ninh tiếp tục phát huy hiệu quả”.

Tuy nhiên, vẫn có những hạn chế đáng chú ý. Chỉ số “Tính minh bạch” của tỉnh chỉ xếp thứ 26/34, thấp hơn trung vị cả nước. Doanh nghiệp còn gặp khó trong tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý; chất lượng và độ mở của cổng thông tin điện tử chưa đáp ứng kỳ vọng. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi, giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị mới đạt 42,86%. Đây là điểm nghẽn cần được ưu tiên cải thiện nếu Quảng Ninh muốn tiếp tục nâng hạng PCI trong chu kỳ đánh giá mới.

Chỉ số “Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính” cũng xếp thứ 18/34. Dù thái độ và trách nhiệm xử lý công việc của cán bộ được doanh nghiệp đánh giá tích cực, hiệu quả thực chất của thủ tục trực tuyến còn hạn chế. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thực hiện thủ tục trực tuyến giúp tiết giảm thời gian đạt 65,91%, tiết giảm chi phí đạt 62,5%, đều ở mức thấp nhất cả nước. “Chuyển đổi số hành chính cần đi sâu vào hiệu quả sử dụng, không chỉ dừng ở tích hợp hệ thống” - Ông Nguyễn Quang Vinh - Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đánh giá.

Tiếp tục cải thiện tính minh bạch, nâng chất lượng dịch vụ công

Trong khi đó, Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân BPI lần đầu được VCCI công bố ghi nhận Quảng Ninh đạt 5,33 điểm, nằm trong 3 địa phương dẫn đầu cả nước, sau Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đây là tín hiệu tích cực về sức khỏe khu vực kinh tế tư nhân địa phương. Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất đạt 72,09%, gần sát mức cao nhất cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước đạt 68,18%, cao nhất cả nước, phản ánh hệ sinh thái doanh nghiệp nội địa có mức độ gắn kết tốt.

Các chỉ tiêu về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các doanh nghiệp tại Quảng Ninh cũng cho thấy xu hướng tích cực. Tỷ lệ doanh nghiệp chi ít nhất 3% doanh thu cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 12,5%, cao hơn đáng kể trung vị cả nước là 3,11%. Số doanh

nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân đạt 7,62, cao hơn trung vị cả nước; tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động đạt 4,61%; doanh thu trên mỗi lao động và tăng trưởng doanh thu đều vượt trung vị chung.

Dù vậy, khu vực tư nhân Quảng Ninh vẫn còn những điểm yếu về động lực mở rộng đầu tư và năng lực nghiên cứu phát triển. Tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng sản xuất, kinh doanh trong 2 năm tới chỉ đạt 26,44%, thấp hơn trung vị cả nước. Tỷ lệ doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự R&D đạt 4,55%, cũng thấp hơn trung vị. Khả năng tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI tuy cao hơn trung vị cả nước nhưng còn xa địa phương dẫn đầu, cho thấy dư địa kết nối với chuỗi giá trị toàn cầu vẫn rất lớn.

Từ các kết quả trên, nhiệm vụ kinh tế trọng tâm của Quảng Ninh trong năm 2026 là cải thiện tính minh bạch, nâng chất lượng dịch vụ công trực tuyến, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và thiết kế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực chất hơn.

Theo ông Bùi Văn Khăng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Tỉnh đang từng bước xây dựng mô hình chính quyền kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại và kỷ luật thực thi cao; chuyển mạnh từ tư duy “quản lý” sang “phục vụ”; lấy sự hài lòng và thành công của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cho hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền. “Tin tưởng rằng, với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng hơn nữa trong công tác cải cách hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.” - ông Bùi Văn Khăng khẳng định.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BẮC NINH XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN 2026: NHIỀU GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG AI TẠO ĐỘT PHÁ

Sáng 21/5, Hội đồng Sáng kiến tỉnh Bắc Ninh tổ chức đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng các sáng kiến đợt 1 năm 2026.

Theo báo cáo của cơ quan thường trực, đợt 1 năm 2026, toàn tỉnh tiếp nhận 347 hồ sơ sáng kiến của 51 xã, phường và 11 sở, ngành, đơn vị. Qua rà soát, có 224 hồ sơ hợp lệ (64,65%) đủ điều kiện trình Hội đồng xem xét, đánh giá; 123 hồ sơ (35,35%) không hợp lệ do thiếu thành phần hồ sơ, chưa bảo đảm quy định về thời gian hoặc chưa chứng minh rõ hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng.

Các sáng kiến tập trung chủ yếu ở lĩnh vực giáo dục với 317 hồ sơ (chiếm 90,08%), nổi bật là các giải pháp ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Ở khối hành chính và các lĩnh vực khác, nhiều sáng kiến hướng vào cải cách thủ tục hành chính, quản trị số, giải quyết các vấn đề thực tiễn, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Hội đồng Sáng kiến tỉnh cũng chỉ rõ một số tồn tại, hạn chế như: tỷ lệ hồ sơ không hợp lệ còn cao, phản ánh chất lượng thẩm định ở cấp cơ sở chưa đồng đều. Một số sáng kiến

chưa làm rõ tính mới, hiệu quả kinh tế - xã hội và phạm vi ảnh hưởng; nội dung còn sơ sài, thiếu minh chứng khoa học. Phong trào sáng kiến chủ yếu tập trung trong khu vực hành chính, sự nghiệp, trong khi sự tham gia của doanh nghiệp còn hạn chế...

Kết luận hội nghị, đồng chí Mai Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Sáng kiến ghi nhận số lượng sáng kiến ở cơ sở năm nay tăng, cho thấy tinh thần đổi mới sáng tạo tiếp tục lan tỏa; nổi bật là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), qua đó tạo điều kiện thúc đẩy hình thành nhiều sáng kiến có giá trị.

Tuy nhiên, đồng chí cũng thẳng thắn chỉ ra hạn chế khi tỷ lệ hồ sơ sáng kiến không đạt ở mức cao nhất từ trước đến nay; sự tham gia của khu vực doanh nghiệp trong hoạt động sáng kiến còn hạn chế.

Về nhiệm vụ thời gian tới, đồng chí Mai Sơn đề nghị khẩn trương tham mưu sửa đổi Quy chế làm việc của Hội đồng Sáng kiến tỉnh, hoàn thành và ban hành trong tháng 6/2026. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng ứng dụng hỗ trợ cán bộ cơ sở rà soát, đánh giá sáng kiến trước khi gửi cấp tỉnh; giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện, hoàn thành trong quý III/2026.

Nghiên cứu tổ chức tập huấn cho cán bộ phụ trách lĩnh vực trong tháng 6/2026; kịp thời khen thưởng, biểu dương các cơ quan, địa phương làm tốt. Đối với các xã, phường chưa có sáng kiến, cần tập trung chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm. Đồng chí cũng yêu cầu các địa phương cần nâng cao trách nhiệm trong việc thẩm định sáng kiến, bảo đảm chặt chẽ, chất lượng. Đề nghị cơ quan thường trực Hội đồng là Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ các sáng kiến, trình Hội đồng Sáng kiến tỉnh trước ngày 29/5/2026.

Nguồn: baobacninhvt.vn

NINH BÌNH: QUYẾT TÂM MẠNH MẼ TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ

Theo công bố của Bộ Nội vụ về Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025, Ninh Bình đạt 93,08% điểm, xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đáng chú ý, Chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh đạt 97,17%, đứng đầu toàn quốc. Kết quả trên phản ánh sự nỗ lực, quyết tâm, sáng tạo trong điều hành, quản lý của các cấp chính quyền địa phương, nhất là trong bối cảnh cả nước đang đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước là 1 trong 8 lĩnh vực của Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh đánh giá mức độ chuyển đổi số phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước. Chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước gồm 14 tiêu chí, trong đó tỉnh Ninh Bình đạt điểm tối đa ở 11 tiêu chí.

Các nội dung nổi bật gồm: Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển nền tảng cơ sở dữ liệu; cập nhật khung kiến trúc số cấp tỉnh; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo; mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp quốc gia; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trên môi trường số...

Đồng chí Vũ Trọng Quế, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho biết: “Chỉ số PAR INDEX năm 2025 của cả nước có 2/8 chỉ số giảm điểm so với năm trước, trong đó chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước giảm 0,04% điểm. Vì vậy, việc Ninh Bình vươn lên đứng đầu toàn quốc với số điểm cao hơn mức trung bình toàn quốc 12,28% có ý nghĩa rất quan trọng, khẳng định hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh trong công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số.

Kết quả này có được nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự vào cuộc đồng bộ của các sở, ngành, địa phương và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chuyển đổi số không còn là nhiệm vụ riêng của ngành chuyên môn mà đã trở thành yêu cầu xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thực tế cho thấy, trong năm 2025, tỉnh đã tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử, số hóa hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình...

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận “một cửa” các địa phương, nhiều thủ tục được rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt, việc triển khai đồng bộ các nền tảng số đã góp phần nâng cao hiệu quả điều hành của cơ quan hành chính nhà nước.

Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành từng bước được hoàn thiện và kết nối liên thông, giúp giảm tình trạng trùng lặp thông tin, nâng cao tính chính xác và minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính. Sở Khoa học và Công nghệ với vai trò cơ quan chủ trì đã chủ động rà soát những tồn tại từ các năm trước, từ đó tham mưu nhiều giải pháp cụ thể nhằm cải thiện các tiêu chí chưa đạt tối đa.

Trong đó, việc đẩy nhanh tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình lên Cổng Dịch vụ công quốc gia được xem là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ hành chính công trên môi trường số. Không chỉ ở cấp tỉnh, nhiều địa phương trong tỉnh cũng có chuyển biến rõ nét trong ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành.

Việc giải quyết hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa quy trình xử lý công việc được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, kết quả đạt được không chỉ góp phần nâng cao thứ hạng cải cách hành chính cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà còn tạo nền tảng quan trọng để Ninh Bình nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Dù đạt kết quả cao, song tỉnh Ninh Bình vẫn xác định chuyển đổi số là quá trình lâu dài, liên tục, đòi hỏi phải thường xuyên đổi mới, nâng cấp và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Hiện tại, kết quả chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh vẫn còn 3 tiêu chí chưa đạt điểm tối đa gồm: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức và thanh toán trực tuyến. Đây là những tiêu chí chịu tác động lớn từ yếu tố khách quan khi một bộ phận người dân vẫn chưa thực sự quen với việc tương tác với chính quyền trên môi trường số.

Để khắc phục những hạn chế này, tỉnh đang tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ. Trong đó, đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số; tăng cường hỗ trợ thanh toán trực tuyến; mở rộng các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đồng thời nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục bám sát các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính và chuyển đổi số năm 2026 để tham mưu triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Những tiêu chí đã đạt điểm tối đa sẽ tiếp tục được duy trì, nâng cấp theo hướng bền vững, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả.

Cùng với đó, tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật khung kiến trúc chính quyền điện tử, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP, nền tảng điện toán đám mây; chủ động kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Đứng đầu toàn quốc về Chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước năm 2025, không chỉ là kết quả nổi bật trong tiến trình cải cách hành chính của tỉnh Ninh Bình mà còn cho thấy quyết tâm mạnh mẽ của địa phương trong xây dựng chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả này tiếp tục là động lực để tỉnh đẩy mạnh chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

THANH HÓA: THI ĐUA KHƠI DẬY TIỀM NĂNG, THỨC ĐẨY Ý TƯỞNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa vừa ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Khởi dậy tiềm năng, thúc đẩy ý tưởng đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số trong nhân dân và cán bộ tỉnh Thanh Hóa” giai đoạn 2026 - 2030.

Việc triển khai kế hoạch nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm, trí tuệ, sáng tạo của nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn

tinh; khuyến khích đề xuất, tiếp nhận, hoàn thiện và ứng dụng các ý tưởng, sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo vào thực tiễn quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Thông qua phong trào thi đua, tạo động lực mới để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh.

Phong trào thi đua được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh, trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng tham gia là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; doanh nghiệp, nhà khoa học, chuyên gia, người dân, học sinh, sinh viên và các tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo có thể áp dụng vào thực tiễn tại địa phương.

Theo kế hoạch, giai đoạn triển khai đồng bộ sẽ thực hiện từ tháng 5/2026 đến hết năm 2027; tiến hành sơ kết vào năm 2027, tổng kết đánh giá, nhân rộng vào năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phong trào thi đua được tổ chức sâu rộng, thiết thực, phù hợp đặc điểm từng ngành, từng địa bàn, từng nhóm đối tượng; không hình thức, không dàn trải, có sản phẩm cụ thể, có đầu ra cụ thể, có đánh giá kết quả cụ thể.

Nguồn: baothanhhoa.vn

LÂM ĐỒNG: TIẾP TỤC HOÀN THIỆN HẠ TẦNG SỐ CHO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Sau gần 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cùng với yêu cầu đổi mới tinh gọn, việc xây dựng và hoàn thiện hạ tầng số đang trở thành nhiệm vụ then chốt.

Đồng bộ nền tảng, nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân

Theo đánh giá của ngành chức năng, sau khi mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động, yêu cầu đặt ra không chỉ là sắp xếp tổ chức bộ máy, mà còn phải nhanh chóng xây dựng nền tảng công nghệ đủ mạnh để bảo đảm việc quản lý, điều hành được liên tục, đồng bộ và an toàn. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Ngay từ đầu năm 2025, ngành chức năng đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trọng tâm là nâng cấp hệ thống đường truyền, trung tâm dữ liệu, nền tảng phần mềm quản lý và các hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Đối với khối Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hạ tầng số phục vụ chuyên đề số trong các cơ quan Đảng tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, an toàn và hiện đại. Từ tháng 7/2025, Văn phòng Tỉnh ủy đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng thống nhất

phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành. Hệ thống này giúp tăng cường kết nối, liên thông giữa các cấp, các ngành, bảo đảm thông tin được truyền tải nhanh chóng, kịp thời.

Cùng với đó, việc triển khai các giải pháp bảo mật và an toàn thông tin cũng được đặc biệt chú trọng. Đến nay, nhiều hệ thống đã được nâng cấp đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn dữ liệu trong điều kiện chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Các giải pháp bảo mật đa lớp, giám sát an ninh mạng, kiểm soát truy cập và sao lưu dữ liệu được triển khai đồng bộ, góp phần hạn chế rủi ro mất an toàn thông tin.

Đối với khối chính quyền, hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, lấy dữ liệu làm trung tâm. Trung tâm dữ liệu của tỉnh được nâng cấp về máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật, bảo đảm tài nguyên để vận hành thông suốt, ổn định các hệ thống phần mềm dùng chung. Trong năm 2025, tỉnh cũng đầu tư các máy chủ, thiết bị tường lửa, thiết bị lưu trữ chuyên dụng để phục vụ việc triển khai hạ tầng dùng chung và kho dữ liệu số.

Song song với đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nhiều phần mềm phục vụ công tác quản lý, điều hành cũng được nâng cấp theo hướng liên thông, đồng bộ dữ liệu. Các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu chuyên ngành... từng bước được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng cho việc chia sẻ và khai thác dữ liệu hiệu quả.

Liên thông dữ liệu - nền tảng của chính quyền số

Một trong những yêu cầu quan trọng của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là dữ liệu phải được kết nối thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả điều hành mà còn hạn chế tình trạng cát cứ dữ liệu, trùng lặp thông tin, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

Thời gian qua, tỉnh đã tập trung triển khai việc kết nối, liên thông các hệ thống thông tin dùng chung, từng bước hình thành kho dữ liệu số thống nhất. Các dữ liệu về dân cư, đất đai, tài chính, bảo hiểm, giáo dục, y tế... được tích hợp, chia sẻ trên nền tảng số, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

Hiện nay, nhiều thủ tục hành chính đã được cung cấp trực tuyến ở mức độ toàn trình. Người dân có thể nộp hồ sơ, tra cứu tiến độ, nhận kết quả thông qua môi trường mạng mà không cần đi lại nhiều lần. Điều này không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí mà còn góp phần giảm áp lực cho bộ phận một cửa tại các địa phương.

Tại nhiều xã, phường, việc ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính đã mang lại hiệu quả rõ nét. Hệ thống quản lý văn bản điện tử giúp giảm đáng kể lượng hồ sơ giấy; việc ký số, gửi nhận văn bản điện tử giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc. Các cuộc họp trực tuyến được triển khai thường xuyên, giúp tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả điều hành. Đặc biệt, việc xây dựng nền tảng dữ liệu thống nhất còn tạo điều kiện để phát triển các dịch vụ đô thị thông minh, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng hơn. Từ phản ánh hiện trường, tra cứu quy hoạch, đăng ký dịch vụ công cho đến thanh toán trực tuyến, nhiều tiện ích số đã từng bước đi vào đời sống.

Hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển mới

Dù đã đạt nhiều kết quả tích cực, song quá trình xây dựng hạ tầng số phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp vẫn còn không ít khó khăn, thách thức.

Tại Hội nghị tổng kết toàn tỉnh mới đây, các ngành chức năng đã thẳng thắn nêu hạn chế trong hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đồng bộ; việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế, chưa thông suốt; việc hình thành dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành còn chậm; cơ sở hạ tầng và khả năng khai thác chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công.

Mục tiêu cuối cùng là làm sao để dịch vụ công trực tuyến trở nên dễ dàng, thân thiện nhất đối với Nhân dân, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo thực chất, là tiêu chí cuối cùng để đánh giá thành công của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, liên thông dữ liệu; xây dựng hệ thống dữ liệu dùng chung, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp.

Trước yêu cầu đó, tỉnh tiếp tục xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài. Trong thời gian tới, ngành chức năng sẽ tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng số đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; nâng cấp các nền tảng dữ liệu dùng chung; bảo đảm kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức. Đây là yếu tố quyết định để các hệ thống công nghệ thông tin phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, từng bước hình thành thói quen giao dịch trên môi trường số.

Việc đầu tư hạ tầng số hôm nay chính là đầu tư cho năng lực quản trị của tương lai. Khi dữ liệu được kết nối thông suốt, công nghệ được vận hành hiệu quả và người dân được phục vụ nhanh chóng, thuận tiện hơn. Đó chính là lúc chính quyền số thực sự đi vào cuộc sống, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

Nguồn: baolamdong.vn

KHÁNH HÒA: ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI DỮ LIỆU VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ngày 20/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

Tại lễ ký kết, hai bên thống nhất sẽ triển khai các hoạt động hợp tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, 5 nội dung hợp tác được tập trung thực hiện gồm: Xây dựng chiến lược, định hướng và chính sách; phát triển hạ tầng công nghệ số, đảm bảo an ninh mạng; ứng dụng khoa học, công nghệ

trong chỉ đạo, điều hành; ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số.

Để thực hiện các nội dung ký kết, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Tập đoàn VNPT tiếp cận, làm việc với sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh nhằm rà soát, khảo sát, đánh giá, nghiên cứu hiện trạng, thế mạnh để phối hợp với các ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh trong phạm vi thỏa thuận hợp tác; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan bố trí nhân lực phù hợp phối hợp với Tập đoàn VNPT thực hiện công việc theo các nội dung hợp tác cụ thể đã được ký kết; tạo điều kiện thuận lợi để Tập đoàn VNPT tham gia triển khai các chương trình, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh. Tập đoàn VNPT sẽ sử dụng nguồn lực tốt nhất để đáp ứng nhu cầu triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch hợp tác; tư vấn, giới thiệu các công nghệ tiên tiến, thành tựu mới nhất trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn của tỉnh; triển khai các chính sách ưu đãi cho tỉnh khi sử dụng dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin của Tập đoàn VNPT.

Phát biểu tại lễ ký kết, đồng chí Nguyễn Việt Hùng - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhấn mạnh: Khánh Hòa đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu rất cao. Tỉnh đặt mục tiêu tăng trưởng hai con số liên tục trong nhiều năm, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp hiện đại, đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số phát triển thực chất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Việt Hùng đề nghị trong giai đoạn 2026 - 2030, hợp tác giữa tỉnh và Tập đoàn VNPT phải đi vào thực chất, làm đến nơi đến chốn và đo được bằng kết quả cụ thể. Trong đó, tập trung vào 3 nhóm nhiệm vụ lớn là: Xây dựng đồng bộ hạ tầng số và dữ liệu số dùng chung của tỉnh để dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, “đúng - đủ - sạch - sống”, có khả năng liên thông, phân tích, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và điều hành thông minh theo thời gian thực; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực số chất lượng cao.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Việt Hùng mong muốn Tập đoàn VNPT chủ động đề xuất thêm các nội dung hợp tác với tỉnh để công tác chuyển đổi số, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và phục vụ người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng tốt hơn. Các sở, ngành, địa phương trong tỉnh cần chủ động phối hợp với Tập đoàn VNPT triển khai ngay các nội dung hợp tác, trong đó xác định rõ các đầu việc, tiến độ, sản phẩm, trách nhiệm trên tinh thần chọn đúng việc trọng tâm, làm thật, hiệu quả thật, tránh đầu tư dàn trải, hình thức.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn VNPT Tô Dũng Thái cho biết: Khánh Hòa là một trong những địa phương tiên phong, quyết tâm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong khi đó, Tập đoàn VNPT có năng lực, có lực lượng ngay tại địa phương để thực hiện các nội dung thỏa thuận hợp tác với tỉnh. Tập đoàn VNPT cam kết đồng hành với tỉnh trong xây dựng hạ tầng số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng thực chất, hiệu quả và toàn diện. Tập đoàn sẽ nghiên cứu, đề xuất, hỗ trợ tỉnh các giải pháp nhằm giải quyết các bài toán phát sinh từ thực

tiến công tác vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, công tác chỉ đạo điều hành, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ĐỒNG NAI: NHIỀU LOẠI GIẤY TỜ QUAN TRỌNG KHÔNG CẦN ĐỔI KHI ĐỒNG NAI LÊN THÀNH PHỐ

Đồng Nai chính thức trở thành thành phố cùng với việc 10 xã chuyển thành phường đang tạo nên không khí phấn khởi trong nhân dân. Bên cạnh niềm vui, không ít người băn khoăn liệu hàng loạt giấy tờ quan trọng như: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ), giấy đăng ký xe, căn cước... có phải đồng loạt đi đổi khi đơn vị hành chính thay đổi hay không?

Theo các cơ quan chức năng, phần lớn giấy tờ hiện hành vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý, người dân không bắt buộc phải thực hiện cấp đổi nếu không có nhu cầu.

Sổ đỏ vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý

Tại một số bộ phận tiếp nhận hồ sơ và văn phòng công chứng, không ít người đặt câu hỏi liệu sổ đỏ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (còn gọi là sổ hồng) có còn giá trị sử dụng khi đơn vị hành chính từ xã chuyển thành phường, từ tỉnh đổi thành thành phố?

Ông Nguyễn Văn Hòa (ở phường Long Thành) cho biết: Gia đình ông vừa hoàn tất thủ tục vay vốn ngân hàng bằng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khá lo lắng khi nghe thông tin thay đổi đơn vị hành chính. “Tôi sợ sau này giấy tờ không còn đồng bộ thì việc vay vốn, chuyển nhượng hay làm thủ tục sẽ khó khăn hơn, mong được hướng dẫn rõ ràng để yên tâm” - ông Nguyễn Văn Hòa chia sẻ.

Liên quan đến vấn đề này, đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai cho biết: Đồng Nai trở thành thành phố và các xã lên phường, người dân, doanh nghiệp không bắt buộc phải đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Toàn bộ giấy chứng nhận đã cấp trước đây vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý và được sử dụng bình thường trong các giao dịch như: chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, thừa kế...

Việc cập nhật tên đơn vị hành chính mới sẽ được thực hiện đồng thời khi người dân thực hiện các thủ tục đăng ký biến động đất đai hoặc có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận. Đối với trường hợp người dân muốn cập nhật thông tin mới trên giấy chứng nhận, hồ sơ gồm: đơn đăng ký biến động đất đai và bản gốc giấy chứng nhận đã cấp. Người dân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, phường hoặc thực hiện trực tuyến qua cổng dịch vụ công, dịch vụ bưu chính công ích.

Đồng Nai đang thực hiện mô hình giải quyết thủ tục đất đai theo hình thức phi địa giới. Người dân có thể lựa chọn nơi nộp hồ sơ và nhận kết quả thuận tiện nhất trong toàn thành phố mà không phụ thuộc nơi cư trú hay nơi có đất. Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố đề

ngộ các tổ chức tín dụng, cơ quan công chứng và đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, không yêu cầu bắt buộc đổi sổ đỏ chỉ vì thay đổi địa giới hành chính.

Giấy đăng ký xe, căn cước không bắt buộc đổi

Không chỉ sổ đỏ, nhiều người dân cũng băn khoăn về việc có phải đổi giấy đăng ký xe, biển số xe và căn cước khi Đồng Nai lên thành phố hay không? Theo Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đồng Nai, các thủ tục đăng ký xe hiện vẫn được giải quyết bình thường, ổn định và không có xáo trộn sau khi thay đổi mô hình hành chính.

Trung tá Đồng Thị Thanh Phương, Phó Đội trưởng Đội Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cho biết: Việc chuyển đổi từ tỉnh lên thành phố không làm thay đổi giá trị pháp lý của giấy đăng ký xe và biển số đã được cấp trước đó. Hiện nay, phương tiện được quản lý theo mã định danh cá nhân thông qua hệ thống dữ liệu điện tử nên người dân không cần thực hiện thủ tục đổi giấy đăng ký xe chỉ vì thay đổi đơn vị hành chính.

Theo đại diện Phòng Cảnh sát giao thông, các thủ tục như: đăng ký mới, sang tên, cấp đổi hoặc cấp lại giấy đăng ký xe vẫn thực hiện theo quy trình hiện hành. Hệ thống phần mềm quản lý phương tiện và cơ sở dữ liệu điện tử đang vận hành ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu giải quyết thủ tục của người dân. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin cũng giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, hạn chế tình trạng chờ đợi.

Ngoài công tác đăng ký xe, lực lượng công an địa phương cũng đang hỗ trợ người dân cập nhật dữ liệu phương tiện, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeTraffic phục vụ quản lý giao thông trên nền tảng số.

Liên quan đến căn cước, đại diện Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố Đồng Nai cho biết, sau khi Đồng Nai lên thành phố và nhiều xã chuyển thành phường, người dân không bắt buộc phải đổi thẻ căn cước.

Luật Căn cước năm 2023 quy định công dân thực hiện cấp đổi thẻ căn cước khi đến các mốc tuổi theo quy định hoặc thuộc các trường hợp thay đổi thông tin cá nhân. Trong đó, trường hợp thay đổi thông tin do sắp xếp đơn vị hành chính không bắt buộc phải đổi thẻ.

Cơ quan quản lý căn cước chỉ thực hiện cấp đổi khi công dân có nhu cầu hoặc thuộc trường hợp phải đổi theo quy định của pháp luật. Theo cơ quan công an, dữ liệu dân cư đã được đồng bộ và cập nhật tự động từ “tỉnh Đồng Nai” thành “thành phố Đồng Nai” trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và định danh điện tử. Do đó, các cơ quan, đơn vị khi giải quyết thủ tục hành chính có thể khai thác thông tin trực tiếp trên hệ thống mà không cần yêu cầu người dân đổi căn cước.

Việc nhiều loại giấy tờ quan trọng tiếp tục giữ nguyên giá trị pháp lý không chỉ giúp người dân yên tâm hơn trước những thay đổi về địa giới hành chính mà còn thể hiện nỗ lực cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng nền hành chính phục vụ ngày càng hiện đại, thuận tiện của Đồng Nai trong giai đoạn phát triển mới.

Nguồn: baodongnai.com.vn

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI VIỆC LÃNH ĐẠO, ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THỰC SỰ CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

Tăng cường và thực hiện đúng nguyên tắc, phương pháp kiểm tra, giám sát của Đảng đối với việc lãnh đạo, định hướng quản lý, sử dụng đất đai góp phần kiểm soát chặt chẽ quyền lực; ngăn ngừa sai phạm từ sớm, từ xa; tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng và hệ thống chính trị; góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm đánh giá đúng ưu điểm của tổ chức đảng và đảng viên để phát huy, đồng thời phát hiện, làm rõ vi phạm, khuyết điểm để uốn nắn, khắc phục và xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm; kịp thời phát hiện sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên và môi trường; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý, sử dụng đất đai là một nội dung trọng yếu của việc bảo đảm hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng, hoạt động quản lý của Nhà nước. Đất đai là nguồn lực phát triển, nhưng cũng tạo ra nhiều thử thách bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và cơ chế kiểm soát quyền lực. Vì vậy, việc kiểm tra, giám sát phải tuân thủ hệ thống nguyên tắc chính trị - pháp lý - đạo đức chặt chẽ, toàn diện và xuyên suốt.

Cấp ủy các cấp, nhất là ban thường vụ, phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát không “khoán trắng” cho cơ quan chuyên môn. Mỗi cuộc kiểm tra, giám sát phải thể hiện được ý chí lãnh đạo, trách nhiệm chính trị và tính thống nhất trong định hướng của Đảng; phải bảo đảm bám sát các yêu cầu sau:

Nguyên tắc chính trị, tổ chức: Kiểm tra, giám sát không chỉ để phát hiện sai phạm, mà còn nhằm đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực đất đai, đặc biệt là chủ trương lớn, như Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 31/10/2012, của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về “Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại”. Lần đầu tiên Đảng ta xác định đất đai là nguồn lực phát

triển, đồng thời là đối tượng quản lý thống nhất của Nhà nước, thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, vì vậy đặt ra yêu cầu kiểm soát quyền lực trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Đây là cơ sở để ủy ban kiểm tra các cấp lãnh đạo kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đất đai.

Đến Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”, Đảng ta tiếp tục định hướng rõ với yêu cầu phát huy nguồn lực đất đai trở thành động lực trung tâm của phát triển bền vững. Khẳng định phải kiểm soát chặt chẽ quyền lực, xử lý nghiêm “tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng đất”; đưa công khai, minh bạch, số hóa dữ liệu đất đai thành một nguyên tắc bắt buộc. Tạo căn cứ chính trị, pháp lý trực tiếp cho việc thiết kế mô hình kiểm tra, giám sát số, phân tích rủi ro chính trị, kinh tế, xã hội trong đất đai.

Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021, của Bộ Chính trị “Về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung” là điểm cân bằng giữa *kiểm soát quyền lực* và *bảo vệ động lực đổi mới*. Bên cạnh đó, cần xác định công tác kiểm tra, giám sát về đất đai phân biệt rõ giữa sai phạm vì vụ lợi và sai sót trong đột phá, đổi mới vì lợi ích chung. Gợi mở một nguyên tắc rất quan trọng: kiểm tra không nhằm “trói tay cán bộ”, mà nhằm bảo vệ người dám chịu trách nhiệm, dám hành động vì lợi ích đất nước. Đồng thời, tạo cơ sở để cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát nhân văn, công tâm hơn.

Ngày 24/11/2025, Kết luận số 218 “Về quan điểm, chủ trương xử lý vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực đến trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực”, của Bộ Chính trị, được ban hành với mục tiêu bảo đảm công bằng, khách quan trong xem xét xử lý kỷ luật và tìm rõ nguyên nhân vi phạm để điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tiễn. Kết quả kiểm tra, giám sát vì thế phải phản ánh hiệu lực lãnh đạo của Đảng, giúp điều chỉnh chính sách, nâng cao năng lực thực thi, không chỉ dừng ở xử lý vi phạm.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nền tảng tổ chức của Đảng, phải được bảo đảm trong toàn bộ quy trình kiểm tra: Quyết định tập thể, cá nhân phụ trách; kết luận dựa trên bằng chứng, không suy diễn; thảo luận dân chủ, thống nhất trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ và pháp luật. Cùng với đó, cần minh bạch hóa thông tin, công khai kết quả trong phạm vi phù hợp, nhằm củng cố niềm tin và tạo sức răn đe, phòng ngừa.

Nguyên tắc pháp lý, hành chính: Kiểm tra, giám sát của Đảng trong lĩnh vực đất đai phải dựa trên pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Luật Đất đai đã được Quốc hội thông qua ngày 18/1/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2025. Cơ quan kiểm tra cần nắm chắc quy định mới có liên quan: quy hoạch tích hợp, đấu giá công khai, giá đất thị trường, thu hồi, bồi thường, tái định cư, quyền sử dụng đất như tài sản giao dịch. Việc kiểm tra phải chỉ ra được mức độ tuân thủ pháp luật, phát hiện kịp thời “khoảng trống pháp lý” để kiến nghị bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

Chủ trương “không có vùng cấm, không ngoại lệ” phải trở thành chuẩn mực thường trực. Mọi vi phạm về đất đai, dù ở cấp nào, đều phải được xử lý kiên quyết, song song với khuyến khích tự kiểm tra, tự phát hiện, tự khắc phục. Kết luận kiểm tra, giám sát phải rõ ràng: sai ở đâu, trách nhiệm thuộc về ai, kiến nghị biện pháp nào; phải bảo đảm quyền khiếu nại, giải trình hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

Nguyên tắc đạo đức, trách nhiệm công vụ: Gắn kiểm tra với rèn luyện đạo đức, văn hóa công vụ đòi hỏi cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát đất đai thực sự liêm chính, dũng cảm, trung thực, khách quan, không bị chi phối bởi lợi ích hay quan hệ cá nhân. Mỗi cuộc kiểm tra, giám sát là phép thử về đạo đức chính trị và văn hóa quyền lực. Chỉ khi người cán bộ kiểm tra trong sạch, công tâm, thì kết quả kiểm tra mới khách quan, chính xác và có giá trị giáo dục, thuyết phục.

Kết hợp kiểm tra định kỳ và giám sát thường xuyên: Nguyên tắc này bảo đảm tính chủ động, liên tục. Giám sát sớm giúp phát hiện vi phạm từ gốc, còn kiểm tra định kỳ giúp tổng kết, đánh giá toàn diện. Phải chuyển từ “xử lý hậu kiểm” sang “giám sát sớm, cảnh báo sớm, phòng ngừa từ xa”, sử dụng dữ liệu số, bản đồ đất đai và phản ánh của nhân dân làm công cụ cảnh báo tự động. Đề cao trách nhiệm chính trị, trách nhiệm đạo đức của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý đất đai khi để xảy ra vi phạm trong phạm vi quản lý. Nguyên tắc này làm rõ tính cá thể hóa trách nhiệm, chống “hòa cả làng”, đồng thời khuyến khích hình thành văn hóa nhận lỗi, khắc phục sớm.

Phương pháp kiểm tra, giám sát

Nếu “nguyên tắc” là nền tảng thì “phương pháp” là công cụ thực thi. Phương pháp kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực đất đai cần được vận dụng khoa học, hệ thống và thích ứng với thời đại số, để vừa bảo đảm tính chính trị, pháp lý, kỹ thuật, vừa nâng cao năng lực dự báo và phòng ngừa. Để thực hiện một cuộc kiểm tra, giám sát cần dựa trên một số phương pháp:

Phương pháp tổ chức, quy trình: Trước hết, nắm tình hình, thu thập đầy đủ hồ sơ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao, thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, hồ sơ đấu giá, định giá, nghĩa vụ tài chính, phản ánh của nhân dân và báo chí... Ứng dụng dữ liệu số hóa, hệ thống quản lý đất đai điện tử, bản đồ địa chính GIS để xác định biến động, sai lệch, chồng lấn, chuyển mục đích bất thường. Thứ hai, phân tích dấu hiệu vi phạm từ dòng tiền, dữ liệu thuế, đăng ký doanh nghiệp và quy hoạch đô thị để phát hiện bất thường, như thay đổi nhanh quyền sử dụng, giá trị tài sản hoặc mối liên hệ giữa doanh nghiệp, cán bộ quản lý. Thứ ba, tập trung làm rõ việc chỉ đạo của cấp ủy; trách nhiệm của tổ chức đảng, người đứng đầu; quy trình ra quyết định có tuân thủ pháp luật và nghị quyết của Đảng hay không? Cần lập biên bản, đối thoại công khai, tránh báo cáo một chiều. Thứ tư, đối chiếu kết quả kiểm tra với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả và trách nhiệm. Kiến nghị biện pháp xử lý, khắc phục, đồng thời lưu hồ sơ điện tử phục vụ theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận sau kiểm tra, giám sát.

Phương pháp nghiệp vụ: Phân tích lợi ích nhóm và dòng lợi ích bằng việc truy vết toàn bộ chuỗi hành vi hành chính, quyết định hành chính liên quan đến đất đai để nhận diện dòng lợi

ích: từ quy hoạch, giao đất, định giá, cấp phép. Phát hiện mối liên hệ bất thường giữa người có thẩm quyền và doanh nghiệp thụ hưởng; đây là dấu hiệu điển hình của xung đột lợi ích và thao túng chính sách. Sau đó, so sánh giá đất thị trường và khung giá Nhà nước áp dụng mô hình định giá kép, kết hợp dữ liệu giao dịch, giá địa phương và chỉ số giá đất quốc gia để lượng hóa thất thoát ngân sách.

Hành vi sai phạm về quản lý, sử dụng đất đai thường gắn liền với biểu hiện tha hóa quyền lực, lợi dụng chức vụ để trục lợi. Vì vậy, cần đánh giá không chỉ hậu quả kinh tế, mà cả tác động chính trị, tư tưởng, niềm tin xã hội, qua đó đưa ra biện pháp phòng ngừa: công khai thông tin đất đai, luân chuyển cán bộ, kiểm soát tài sản, nâng cao văn hóa liêm chính của cán bộ, công chức.

Phương pháp thẩm tra, xác minh: Thẩm tra, xác minh là phương pháp quan trọng nhất trong 5 phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, được hiểu là việc chủ thể kiểm tra tiến hành hoạt động phát hiện, tìm kiếm, thu thập, xem xét, tra cứu, thẩm định, đánh giá và sử dụng những chứng cứ, phân tích thông tin, tài liệu đã thu thập được liên quan đến vụ việc kiểm tra; phân tích mối liên hệ và sự phù hợp giữa thông tin với nhau và với vụ việc kiểm tra theo các nguyên tắc, phương pháp công tác đảng để tìm ra sự thật, chỉ đúng bản chất thông tin đó nhằm chứng minh đối tượng được kiểm tra có hay không có khuyết điểm hoặc vi phạm, giúp cho việc kết luận, xử lý bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời. Thẩm tra, xác minh phải đánh giá khách quan, thận trọng, trung thực, chính xác đối với ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để có quyết định xử lý chính xác đối với vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

Thông tin về dấu hiệu vi phạm trong lĩnh vực đất đai được phản ánh từ nhiều nguồn và được biểu hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau với phạm vi, tính chất, mức độ cũng khác nhau. Một trong những nguồn thông tin quan trọng để phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm trong lĩnh vực đất đai là thông qua công tác giám sát thường xuyên và khai thác thêm từ tài liệu của cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc thông qua báo chí, dư luận xã hội, phản ánh, kiến nghị, tố cáo của công dân. Chúng ta cần làm tốt công tác phân tích, sàng lọc, phân loại, tổng hợp thông tin có đủ căn cứ, cơ sở, điều kiện xác định đó là dấu hiệu vi phạm. Từ đó, đối chiếu nội dung thông tin, tài liệu với quy định cụ thể của Đảng, Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị được kiểm tra, giám sát để xác định dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Từ thực tế cho thấy, cấp ủy, ủy ban kiểm tra chủ động thực hiện giám sát thường xuyên, kết hợp với kênh thông tin khác thì sẽ xác định được dấu hiệu vi phạm, giúp cho việc lựa chọn, xác định chính xác nội dung, đối tượng để có quyết định kiểm tra, giám sát đúng, trúng.

Cũng giống như lĩnh vực khác, thẩm tra, xác minh trong lĩnh vực đất đai cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của công tác thẩm tra, xác minh; phải được tiến hành trong suốt quá trình kiểm tra, giám sát, theo nguyên tắc và phương pháp công tác đảng, nhất là thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình...

Trong thực tế, nắm chắc nguyên tắc, phương pháp trên khi thực hiện kiểm tra, giám sát thì việc phát hiện vi phạm, khuyết điểm hoặc sơ hở, vướng mắc trong cơ chế, chính sách rất dễ

dàng. Căn cứ quy định của Đảng, Nhà nước về quản lý, sử dụng đất đai và qua thực tiễn kiểm tra, giám sát, có thể nhận dạng một số vi phạm điển hình sau:

1- Vi phạm trong công tác lãnh đạo, định hướng của cấp ủy, như ban hành quy chế làm việc có nội dung lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực đất đai chưa đúng thẩm quyền, không cụ thể, thiếu chặt chẽ, phân định nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân chưa rõ ràng; không quy định hoặc quy định không cụ thể công việc ban thường vụ ủy quyền cho thường trực cấp ủy cho chủ trương đối với các lĩnh vực đất đai, dẫn đến thường trực cấp ủy vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, cho chủ trương trái thẩm quyền; hoặc ban thường vụ cấp ủy đồng ý chủ trương thực hiện dự án có sử dụng đất vượt thẩm quyền, không đúng với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật; không đưa ra họp bàn, thảo luận để cho chủ trương đối với vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế làm việc. Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp cấp ủy đã bị xử lý kỷ luật khi cho chủ trương chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án, chỉ định thầu và quyết định về mức giá đất cụ thể trái quy định; hay thường trực cấp ủy kết luận, cho chủ trương đối với vấn đề về đất đai, khoáng sản thuộc thẩm quyền của ban thường vụ cấp ủy, không được ban thường vụ ủy quyền, không đưa ra tập thể ban thường vụ thảo luận, thống nhất, cho ý kiến; cá nhân người đứng đầu cấp ủy, chính quyền không chủ động đề xuất, trao đổi trong thường trực cấp ủy vấn đề lớn, quan trọng liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản để đưa ra cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy thảo luận, quyết định; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và người đứng đầu thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiểm tra, giám sát, để xảy ra vi phạm, khuyết điểm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên và môi trường; không quan tâm chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định pháp luật.

2- Vi phạm trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: vi phạm do không kịp thời lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định; không thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; không thực hiện đúng quy định về tổ chức lấy ý kiến nhân dân trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; không báo cáo thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phê duyệt quy hoạch 1/500 không tuân thủ quy hoạch 1/2000 dẫn đến phá vỡ quy hoạch chung; điều chỉnh quy hoạch đất đai, đô thị không đúng quy định để “chạy theo” doanh nghiệp thực hiện dự án (tăng tầng, tăng diện tích, chia nhỏ diện tích, tăng mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất; giảm diện tích cây xanh công cộng, đất công trình hạ tầng kỹ thuật...); để chủ đầu tư tự ý thay đổi quy hoạch, triển khai dự án chậm nhằm giữ đất, trì hoãn bằng cách xin điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh chủ trương đầu tư để chờ khi có điều kiện mới thực hiện hoặc chuyển nhượng cho nhà đầu tư khác.

3- Vi phạm trong giao đất, cho thuê đất: Giao đất, cho thuê đất không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng, không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định, nhất là đối với đất công sản, đất sạch; tổ

chức đấu giá không có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lựa chọn nhà đầu tư để giao đất, cho thuê đất không bảo đảm trình tự, thủ tục, không đáp ứng điều kiện theo quy định; đồng ý thay đổi nhà đầu tư, cho chuyển nhượng dự án trái pháp luật; để đối tượng trực lợi núp bóng doanh nghiệp đứng ra thông thầu, ép giá, hạn chế các doanh nghiệp khác tham gia đấu thầu, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn; giao đất dự án khi chưa có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; giao đất với thời hạn sử dụng lâu dài cho doanh nghiệp để thực hiện dự án; giao đất, cho thuê đất không đúng vị trí và diện tích đất trên thực địa; giao đất thuộc khu vực phòng thủ quốc gia; giao dự án có sử dụng đất trồng lúa khi chưa có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ (trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên từ 10ha) và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chuyển mục đích sử dụng đất; lợi dụng danh nghĩa của tổ chức để được mua, thuê cơ sở nhà, đất của Nhà nước ở vị trí thuận lợi về giao thương không thông qua đấu giá sau đó chuyển nhượng lại để hưởng chênh lệch; giao đất theo hình thức “đất ở không hình thành đơn vị ở” và triển khai một số loại hình bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng chưa rõ về mô hình theo quy định của pháp luật dẫn đến sai phạm trong xác định nghĩa vụ tài chính, trình tự giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, phát sinh tình trạng lợi ích nhóm, tiêu cực, tham nhũng.

4- Vi phạm trong chuyển mục đích sử dụng đất: Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, nhưng không thẩm định điều kiện, nhu cầu sử dụng đất; không theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Doanh nghiệp chưa hoàn thành thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất sản xuất phi nông nghiệp sang đất ở, nhưng đã cho ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở.

5- Vi phạm trong xác định giá đất: Xác định giá đất, ban hành bảng giá đất không theo mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất tại thời điểm định giá, không sát với giá thị trường; điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư, nhưng không xác định lại giá đất; xác định giá khởi điểm đối với trường hợp giao đất qua đấu giá thấp hơn giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; xác định giá đất không đúng phương pháp theo quy định của pháp luật (phương pháp so sánh; phương pháp chiết trừ; phương pháp thu nhập; phương pháp thặng dư; phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất); giao đất, cho thuê đất, nhưng áp giá thấp hơn giá quy định; tính sai thời điểm giao đất khi xác định nghĩa vụ tài chính (giao đất năm nay nhưng tính tiền sử dụng theo giá đất của các năm trước); tính giá đất sản xuất, kinh doanh cho đất ở; quyết định cho miễn, giảm, chậm nộp chậm tiền sử dụng đất trái quy định pháp luật; cho chuyển nhượng dự án chưa xác định hoặc đã xác định, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính.

6- Vi phạm về tiến độ: Dự án chậm tiến độ, không đúng cam kết, lãng phí đất đai, ảnh hưởng đến đời sống người dân, nhưng không thu hồi theo quy định; thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không đúng đối tượng, diện tích, mức bồi thường; làm sai lệch hồ sơ thu hồi đất; xác định sai vị trí và diện tích đất bị thu hồi trên thực địa.

7- Vi phạm về thủ tục: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chậm, vi phạm về thời hạn giải quyết; in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi hộ gia đình, cá nhân hoàn

thành nghĩa vụ tài chính; cho chuyển mục đích sử dụng, mua bán, chuyển nhượng đất nhiều lần, nhưng không làm thủ tục; không theo dõi biến động và quản lý chặt chẽ về đất đai tại địa phương, để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất công; xây dựng không phép, trái phép; xây dựng nhà ở trên đất không phải là đất ở.

8- Không xây dựng phương án sử dụng đất trước khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; xây dựng, phê duyệt phương án không phù hợp với phương án sắp xếp xử lý nhà đất và quy hoạch sử dụng đất; khi thực hiện cổ phần hóa, không đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp (lấy lý do là đất đang thuê của Nhà nước); sau khi mua được cổ phần chi phối, nhà đầu tư tiến hành thủ tục để thay đổi mục đích sử dụng đất, xin nộp tiền sử dụng đất một lần không đúng quy định của pháp luật, thấp hơn nhiều so với giá đất trên thị trường, gây thất thoát tài sản của Nhà nước.

9- Dùng quyền sử dụng đất để hợp tác, liên doanh, liên kết, góp vốn thành lập pháp nhân mới, sau đó thoái vốn (chuyển nhượng vốn, cổ phần) làm chuyển dịch tài sản nhà nước sang tài sản tư nhân hoặc chuyển mục đích sử dụng đất cho đối tượng không thuộc doanh nghiệp nhà nước và không thuộc đối tượng phải di dời do ô nhiễm môi trường, nhưng không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

10- Giao đất để đổi lấy hạ tầng (dự án xây dựng - chuyển giao (BT)) không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất mà tính toán theo khung giá đất tại địa phương, định giá đất thấp hơn nhiều giá trị đất thực tế tại thời điểm bàn giao công trình, khiến cho việc thanh toán không bảo đảm nguyên tắc ngang giá, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Đối chiếu quy định của Đảng, Nhà nước và qua thực tiễn kiểm tra, giám sát, có thể thấy khi một cuộc kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và sử dụng đất đai bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, phương pháp, tuân thủ đúng quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, quy định của Nhà nước thì vụ việc dù khó đến mấy cũng sẽ được xem xét, giải quyết.

Trần Thị Hiền - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

ĐỊA PHƯƠNG QUYẾT, ĐỊA PHƯƠNG LÀM, ĐỊA PHƯƠNG CHỊU TRÁCH NHIỆM” - TRAO QUYỀN ĐỂ KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

BÀI 1: KHI ĐỊA PHƯƠNG THỰC SỰ ĐƯỢC TRAO QUYỀN

Sau gần một năm vận hành chính quyền địa phương hai cấp, tư duy đột phá “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” không còn là khẩu hiệu cải cách mà trở thành phép thử thực tiễn đối với năng lực quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới. Nhóm phóng viên Báo Quân đội nhân dân đã tiến hành khảo sát tại một số địa phương, nhận thấy những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận; đồng thời cũng thấy một số khó khăn, vướng mắc cần khắc phục để hướng tới các mục tiêu lớn lao cho chặng đường phát triển mới của đất nước.

Khi triển khai thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, tất yếu phải phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho cơ sở. Thực hiện phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” đang từng bước mở ra một không gian quản trị mới: Chủ động hơn, linh hoạt hơn và sát thực tiễn hơn.

Từ yêu cầu đổi mới quản trị quốc gia

Trong dòng chảy đổi mới đất nước, cải cách tổ chức bộ máy nhà nước chưa bao giờ chỉ là câu chuyện kỹ thuật hành chính. Mỗi lần sắp xếp lại mô hình chính quyền đều phản ánh một bước chuyển lớn trong tư duy phát triển và quản trị quốc gia.

Việc triển khai thực hiện chính quyền địa phương hai cấp từ tháng 7/2025 cũng vậy. Ấn phía sau việc tinh gọn đầu mối, giảm cấp trung gian là yêu cầu lớn hơn nhiều: Tái cấu trúc quan hệ giữa Trung ương và địa phương theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả thực thi. Phát biểu nhiều lần về vấn đề này, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu: “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Đó không chỉ là một thông điệp cải cách hành chính, mà là định hướng chiến lược về đổi mới quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới. Trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ chuyển đổi số, cạnh tranh phát triển ngày càng gay gắt, yêu cầu phản ứng chính sách nhanh, linh hoạt và sát thực tiễn đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết; mô hình quản lý theo kiểu “việc gì cũng xin ý kiến”, “cấp dưới chờ cấp trên”, “trung gian nhiều tầng nấc” đã bộc lộ những hạn chế ngày càng rõ. Một nền quản trị hiện đại không thể vận hành hiệu quả nếu mọi quyết định đều tập trung lên trên.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn liền với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, rõ thẩm quyền, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay. Trung ương tập trung vào xây dựng

thể chế, chiến lược, quy hoạch và chính sách vĩ mô; địa phương chủ động tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, phát triển trên địa bàn.

Điều đáng chú ý là lần cải cách này không chỉ dừng ở tinh gọn tổ chức bộ máy, mà đặt ra một yêu cầu sâu sắc hơn: Hình thành mô hình quản trị mới, trong đó cấp xã, phường không còn là “cấp thừa hành thuần túy” mà trở thành trung tâm vận hành trực tiếp của hệ thống chính quyền cơ sở. Nói cách khác, điểm cốt lõi của cải cách không phải là “bớt đi một cấp” mà là “trao thực quyền cho cấp gần dân nhất”.

Khi cấp xã không còn là “cánh tay nối dài”

Những chuyển động đầu tiên từ thực tiễn đang cho thấy điều đó. Tại nhiều địa phương, sau gần một năm triển khai mô hình mới, bộ máy bước đầu vận hành thông suốt hơn; thời gian xử lý thủ tục hành chính được rút ngắn; nhiều vấn đề dân sinh được giải quyết ngay tại cơ sở thay vì phải “đi vòng” qua nhiều tầng nấc trung gian như trước. Điều quan trọng hơn, vai trò của cấp xã, phường đang thay đổi rõ rệt. Nếu trước đây ở nhiều nơi, cấp xã chủ yếu thực hiện chức năng “truyền đạt-chấp hành” thì nay nhiều địa phương đã bắt đầu chủ động hơn trong điều hành, xử lý tình huống phát sinh, tổ chức phát triển kinh tế - xã hội và quản trị địa bàn.

Phóng viên có mặt tại phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, một trong những địa phương quyết liệt triển khai sớm mô hình chính quyền địa phương hai cấp, có thể thấy sự thay đổi được thể hiện khá rõ trong phương thức vận hành bộ máy ở đây.

Ngay sau khi được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị hành chính, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường đã nhanh chóng kiện toàn quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ, xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính, xử lý vi phạm đất đai, trật tự xây dựng, giải quyết đơn thư... theo hướng “rõ người - rõ việc - rõ trách nhiệm”. Điểm đáng chú ý là Trung tâm Phục vụ hành chính công của phường Mỹ Hào được vận hành theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, giúp nhiều thủ tục được xử lý ngay tại cơ sở thay vì phải chuyển qua nhiều cấp trung gian như trước.

Từ thực tiễn triển khai, đồng chí Phạm Văn Nghiêm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cho rằng: Việc phân cấp, phân quyền hợp lý giúp các địa phương chủ động trong giải quyết công việc, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở, giảm tình trạng chờ xin ý kiến nhiều cấp, qua đó nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Khảo sát tại tỉnh Điện Biên, phóng viên cho rằng, việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp đang tạo ra những thay đổi đáng chú ý trong tư duy quy hoạch và phát triển. Trong bối cảnh thay đổi địa giới hành chính và phương thức quản lý, tỉnh Điện Biên đã tiến hành điều chỉnh quy hoạch phát triển theo hướng tái cấu trúc không gian kinh tế - xã hội, không phát triển dàn trải mà tăng liên kết nội tỉnh và ưu tiên hiệu quả thực chất thay vì chạy theo quy mô.

Nếu như trước đây nông nghiệp được coi là “trụ đỡ tăng trưởng” thì trong phương án điều chỉnh mới, ngành nông nghiệp được tái định vị là “nền tảng phát triển bền vững”, tập trung vào giá trị gia tăng, công nghệ cao và hiệu quả kinh tế. Đặc biệt, khoa học, công nghệ từ vị trí

“động lực hỗ trợ” đã được xác định trở thành “trụ cột tăng trưởng”, hướng tới đóng góp khoảng 30% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh trong thời gian tới.

Đồng chí Trần Tiến Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên nhiều lần nhấn mạnh: Khát vọng phát triển của Điện Biên không chỉ là mục tiêu kinh tế, mà là yêu cầu phải thay đổi cách nghĩ, cách làm để vươn lên. Trong đó, đổi mới mô hình quản trị địa phương, nâng cao tính chủ động của cơ sở là điều kiện quan trọng để địa phương phát huy tiềm năng, lợi thế riêng có.

Điều đang diễn ra ở Điện Biên hay Hưng Yên cho thấy: Khi quyền lực được trao gần hơn cho cơ sở, tư duy điều hành cũng buộc phải thay đổi. Chính quyền không thể tiếp tục vận hành theo kiểu “xin - cho”, “chờ hướng dẫn”.

Cán bộ cơ sở không thể mãi chỉ làm nhiệm vụ “truyền đạt”. Ngược lại, họ buộc phải chủ động hơn, quyết đoán hơn và chịu trách nhiệm trực tiếp hơn với kết quả phát triển trên địa bàn. Đó chính là thay đổi lớn nhất mà mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang tạo ra.

“Hiệu năng quản trị” - giá trị lớn nhất của cải cách

Nếu nhìn rộng hơn, điều giá trị nhất mà mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang hướng tới không chỉ là tinh giản bộ máy hay giảm đầu mối trung gian, giá trị lớn nhất chính là nâng cao “hiệu năng quản trị”.

Khi quyền hạn được phân định rõ hơn, địa phương có điều kiện xử lý công việc nhanh hơn, linh hoạt hơn và sát thực tế hơn. Ở góc độ này, cải cách chính quyền địa phương hai cấp thực chất là một bước đi nhằm tháo gỡ mâu thuẫn tồn tại nhiều năm qua giữa “quy mô quản lý ngày càng lớn” với “hiệu quả xử lý ngày càng chậm”.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, cải cách mô hình tổ chức nếu không đi kèm cải cách thực quyền thì sẽ chỉ dừng ở thay đổi hình thức. Vấn đề không phải hai cấp hay ba cấp, mà là cấp nào có quyền thực chất để hành động.

Nhìn từ thực tiễn quốc tế, nhiều quốc gia có nền quản trị hiệu quả đều theo hướng tăng cường phân quyền cho địa phương, đi cùng với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình chặt chẽ. Bởi càng gần dân, chính quyền càng hiểu rõ nhu cầu thực tế của dân. Càng gần thực tiễn, quyết sách càng dễ trúng và đúng. Điều đó đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển hiện nay, khi yêu cầu phản ứng chính sách ngày càng nhanh, các vấn đề phát sinh ngày càng phức tạp và áp lực cạnh tranh giữa các địa phương ngày càng lớn. Không địa phương nào có thể phát triển nếu mọi quyết định đều phải “xin ý kiến”. Không nền hành chính nào có thể hiện đại nếu cán bộ chỉ quen “làm đúng quy trình” mà không dám chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng.

Chính vì vậy, điều mô hình chính quyền địa phương hai cấp hướng tới sâu xa hơn là xây dựng một nền hành chính hành động; một hệ thống quản trị mà ở đó quyền lực đi liền với trách nhiệm, thẩm quyền gắn với hiệu quả thực thi và cán bộ buộc phải chịu trách nhiệm thực chất trước nhân dân.

BÀI 2: NHỮNG ĐIỂM NGHẼN “NÍU CHÂN” CÁI CÁCH

Sau gần một năm vận hành chính quyền địa phương hai cấp, những chuyển động tích cực bước đầu đã cho thấy hướng cải cách là đúng. Tuy nhiên, qua khảo sát và thực tế thực thi phân cấp, phân quyền tại nhiều địa phương cũng thấy khá rõ: Khoảng cách từ “trao quyền trên văn bản” đến “thực quyền trong vận hành” vẫn còn không nhỏ. Và, điểm nghẽn lớn nhất hiện nay không nằm ở chủ trương, mà ở khả năng biến thành năng lực quản trị thực chất trong đời sống.

Khi “địa phương quyết” nhưng vẫn phải chờ

Một trong những kỳ vọng lớn nhất khi triển khai thực hiện chính quyền địa phương hai cấp là rút ngắn chu trình ra quyết định, giảm tầng nấc trung gian, tạo điều kiện để cơ sở chủ động xử lý công việc nhanh hơn, sát thực tiễn hơn. Nhưng thực tế ở không ít nơi cho thấy, hành trình từ “được giao quyền” đến “dám quyết” vẫn còn khoảng cách không nhỏ.

Tại phường Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, lãnh đạo địa phương thẳng thắn chia sẻ một thực tế đáng suy nghĩ: Trong đợt triển khai công tác phòng, chống bão số 10 cuối năm 2025, phường tiếp nhận khoảng 50 văn bản chỉ đạo từ các cấp, các ngành liên quan. Chỉ riêng việc nghiên cứu, rà soát và đối chiếu nội dung giữa các văn bản cũng mất rất nhiều thời gian. Trong khi đó, những tình huống thiên tai đòi hỏi phản ứng nhanh, quyết định nhanh và trách nhiệm phải được xác lập thật rõ ngay tại cơ sở.

Câu chuyện ở Mỹ Hòa phản ánh một nghịch lý đang tồn tại ở nhiều địa phương: Chủ trương là phân cấp mạnh hơn cho cơ sở, nhưng phương thức điều hành vẫn mang nặng dấu ấn quản lý theo tầng nấc hành chính. Nói cách khác, quyền đã được “mở” về mặt định hướng, nhưng quy trình vận hành thực tế lại chưa thay đổi tương ứng.

Đồng chí Trần Thị Thanh Thủy, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Mỹ Hòa, cho biết: Nhiều nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai, đầu tư công, tài sản công, trật tự xây dựng... dù đã phân cấp về cơ sở nhưng quá trình thực hiện vẫn phải xin ý kiến hoặc chờ hướng dẫn từ nhiều cơ quan. Có trường hợp thẩm quyền đã giao, nhưng cơ chế thực thi lại chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng “được giao việc nhưng chưa được trao đủ quyền quyết định”.

Điều đáng nói là hiện tượng này không chỉ diễn ra ở một địa phương. Tại Hà Nội, sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, nhiều phường nội đô phản ánh áp lực công việc tăng lên rất lớn khi phải tiếp nhận thêm nhiệm vụ từ cấp trung gian chuyển xuống. Những lĩnh vực vốn đã phức tạp như đất đai, trật tự xây dựng, giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội... nay đòi hỏi cấp phường phải xử lý nhanh hơn, trực tiếp hơn, trong khi nguồn lực cán bộ và hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý chưa đồng bộ.

Ở Hải Phòng, quá trình phân cấp mạnh hơn cho cơ sở trong quản lý đô thị, đầu tư hạ tầng và giải quyết thủ tục hành chính bước đầu tạo ra chuyển động tích cực, nhưng đồng thời cũng bộc lộ áp lực mới đối với đội ngũ cán bộ cơ sở. Một số cán bộ thừa nhận rằng, khi quyền hạn mở rộng nhưng cơ chế pháp lý chưa thật sự minh định thì tâm lý “sợ sai”, “sợ trách nhiệm” vẫn còn.

Tại Quảng Ninh - một trong những địa phương đi đầu về cải cách hành chính và chuyển đổi số, câu chuyện không còn chỉ là “có làm được hay không”, mà là “làm thế nào để đồng bộ giữa trao quyền với kiểm soát quyền lực”. Chính lãnh đạo địa phương cũng nhìn nhận, nếu phân cấp mạnh nhưng thiếu cơ chế giám sát hiệu quả thì nguy cơ phát sinh sai sót, lạm quyền hoặc thiếu thống nhất trong điều hành là điều không thể xem nhẹ.

Điểm nghẽn lớn nhất nằm ở thể chế

Nếu phải chỉ ra “nút thắt” lớn nhất hiện nay trong thực hiện phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, thì đó chính là thể chế - cụ thể hơn là sự chưa đồng bộ giữa chủ trương phân cấp, phân quyền với hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi.

Thực trạng nhiều quy định chồng chéo, giao thoa khiến quá trình phân quyền, phân cấp rất khó triển khai thực chất, cần phải có cơ chế pháp lý tháo gỡ đồng bộ. Đây là vấn đề mang tính cốt lõi, bởi một nền hành chính không thể vận hành hiệu quả nếu ranh giới thẩm quyền không rõ ràng. Khi nhiều cơ quan cùng có quyền, đồng nghĩa trách nhiệm cũng dễ bị chia nhỏ và khi đó tâm lý “an toàn quy trình” sẽ lấn át tinh thần chủ động hành động.

Thực tiễn ở nhiều địa phương cho thấy, dù đã có chủ trương phân cấp mạnh hơn, nhưng trong nhiều lĩnh vực, chính quyền cơ sở vẫn phải “đi vòng” qua nhiều cơ quan thẩm định hoặc chờ hướng dẫn. Như trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, nhiều xã, phường đã được giao trách nhiệm xử lý vi phạm, nhưng khi triển khai thực tế vẫn phải xin ý kiến các sở, ngành liên quan, khiến quá trình xử lý kéo dài.

Ở lĩnh vực đầu tư công cũng vậy. Nhiều dự án đã phân cấp, nhưng quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh vẫn phải qua nhiều tầng nấc trung gian, dẫn đến nghịch lý: Địa phương được giao trách nhiệm về tiến độ và hiệu quả, nhưng lại không có đầy đủ quyền hạn để quyết định toàn bộ các khâu. Theo Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng, nguyên Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, một nền quản trị hiện đại phải dựa trên nguyên tắc phân quyền rõ ràng. Khi địa phương không có quyền quyết định thực chất thì không thể yêu cầu họ chịu trách nhiệm đầy đủ về kết quả.

Chuyên gia kinh tế, Tiến sĩ Vũ Đình Ánh cho rằng, điểm nghẽn hiện nay không nằm ở thiếu quyết tâm cải cách, mà là ở thể chế chưa theo kịp yêu cầu phát triển mới. Khi quyền hạn chưa được luật hóa đầy đủ và rõ ràng, cán bộ địa phương rất khó chủ động trong xử lý công việc, nhất là những vấn đề phức tạp hoặc tiềm ẩn rủi ro pháp lý. Còn theo chuyên gia kinh tế, Tiến sĩ Nguyễn Minh Phong, nếu không tháo gỡ được các “nút thắt thể chế”, cải cách rất dễ rơi vào tình trạng “phân cấp nửa vời”: Giao trách nhiệm xuống dưới nhưng quyền quyết định thực chất vẫn nằm ở phía trên. Đó cũng là lý do vì sao ở không ít nơi, hiện tượng “gặp gì cũng xin ý kiến” vẫn tồn tại khá phổ biến, bởi phía sau mỗi quyết định không chỉ là trách nhiệm hành chính, mà còn là áp lực pháp lý rất lớn đối với cán bộ thực thi.

“Nghẽn” ở năng lực thực thi và văn hóa trách nhiệm

Nhưng thể chế chưa phải là tất cả. Một thực tế khác cũng đang nổi lên ngày càng rõ trong quá trình vận hành chính quyền địa phương hai cấp, đó là khoảng cách về năng lực quản trị giữa các địa phương và giữa các cấp cán bộ cơ sở.

Khi quyền hạn được mở rộng, yêu cầu đối với cán bộ địa phương cũng thay đổi căn bản. Nếu trước đây nhiều cán bộ chủ yếu thực hiện nhiệm vụ theo quy trình hành chính thì nay họ phải tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn phương án, xử lý tình huống phát sinh, điều phối liên ngành và chịu trách nhiệm về hiệu quả cuối cùng. Điều đó đòi hỏi một tư duy quản trị hoàn toàn khác. Tuy nhiên, ở không ít nơi, cách làm việc vẫn chịu ảnh hưởng nặng của tư duy hành chính cũ: Quen chấp hành hơn chủ động tham mưu; quen xin ý kiến hơn tự chịu trách nhiệm; quen làm đúng quy trình hơn dám chịu trách nhiệm về kết quả.

Theo Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Đình Thiên, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam, điểm khó nhất hiện nay không phải ở mô hình tổ chức, mà ở năng lực thực thi và văn hóa trách nhiệm của bộ máy. Nếu tư duy quản trị không thay đổi thì dù tổ chức lại bao nhiêu cấp, hiệu quả cũng khó đột phá. Điều này thể hiện khá rõ tại nhiều địa phương miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Ở Điện Biên, sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, khối lượng công việc chuyển xuống cơ sở tăng rõ rệt. Trong khi đó, điều kiện hạ tầng, nhân lực và trình độ cán bộ giữa các địa bàn vẫn còn chênh lệch lớn. Đồng chí Vừ A Bằng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Điện Biên, nhấn mạnh: Muốn “địa phương quyết” hiệu quả thì trước hết phải nâng chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, bởi mọi chủ trương cuối cùng đều được thực hiện thông qua họ.

Một vấn đề khác đang trở thành rào cản lớn là tâm lý sợ trách nhiệm. Sau nhiều vụ việc sai phạm bị xử lý trong thời gian qua đã xuất hiện tư tưởng “làm ít sai ít”, “không quyết thì an toàn hơn”. Điều đó dẫn tới thực trạng: Có quyền nhưng không dám dùng quyền. Có trách nhiệm nhưng né tránh trách nhiệm.

Chuyển đổi số chưa theo kịp yêu cầu quản trị mới

Một điểm nghẽn quan trọng khác là hạ tầng dữ liệu và chuyển đổi số. Trong quản trị hiện đại, quyền quyết định chỉ hiệu quả khi được hỗ trợ bởi dữ liệu đầy đủ, kịp thời và chính xác. Nhưng hiện nay, ở nhiều địa phương, dữ liệu vẫn phân tán; hệ thống quản lý chưa liên thông; nhiều quy trình xử lý công việc vẫn phụ thuộc lớn vào hồ sơ giấy và thao tác thủ công. Điều đó khiến quá trình điều hành bị kéo dài và làm giảm chất lượng quyết định. Tại nhiều địa phương vùng cao, vùng sâu, vùng xa, điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin còn khó khăn, năng lực ứng dụng công nghệ của cán bộ hạn chế; trong khi yêu cầu xử lý công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn và kết nối dữ liệu liên thông.

Ở Hà Nội và Quảng Ninh, dù chuyển đổi số được triển khai mạnh, nhưng lãnh đạo địa phương cũng nhìn nhận rằng, khoảng cách giữa xây dựng chính quyền số và năng lực khai thác dữ liệu phục vụ ra quyết định vẫn còn khá lớn. Nói cách khác, chuyển đổi số hiện nay ở nhiều nơi vẫn thiên về “số hóa quy trình”, trong khi điều quan trọng hơn là “số hóa năng lực quản trị”. Nếu không có dữ liệu mạnh, địa phương khó có thể quyết nhanh. Nếu không có hệ thống giám sát số minh bạch, trách nhiệm cũng rất khó được xác lập rõ ràng. Đó là lý do vì sao nhiều chuyên gia cho rằng, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp phải đi liền với xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia và chính quyền số đồng bộ.

Nhìn tổng thể, những khó khăn hiện nay cho thấy: Điều đáng lo nhất không phải địa phương thiếu quyền, mà là cải cách rất dễ rơi vào tình trạng “phân cấp nửa vời”. Tức là: Giao trách nhiệm nhưng chưa giao đủ công cụ, giao nhiệm vụ nhưng chưa giao đầy đủ nguồn lực, giao quyền nhưng chưa tạo được cơ chế bảo vệ người dám làm. Khi đó, cán bộ sẽ luôn đứng trước một lựa chọn khó khăn: Quyết thì sợ sai, không quyết thì công việc trì trệ. Đó chính là điểm nghẽn lớn nhất của quá trình chuyển đổi từ “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển”.

Và đó cũng là lý do vì sao Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ tư duy tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước; phải để mọi việc được giải quyết ngay từ cơ sở; không để tình trạng “ngâm hồ sơ”, đùn đẩy trách nhiệm hay né tránh trách nhiệm tiếp tục tồn tại. Bởi hiệu quả của chính quyền địa phương hai cấp không đo bằng số đầu mối giảm đi bao nhiêu mà đo bằng việc người dân, doanh nghiệp có được phục vụ tốt hơn không, địa phương có thực sự chủ động hơn không và cán bộ có thực sự dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung hay không. Đó mới là thước đo cuối cùng của cải cách.

Nguồn: qdnd.vn

HÀ NỘI XÂY ĐỀ ÁN THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH “XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA” VỚI 54 TIÊU CHÍ

Chiều ngày 21/5/2026, tại Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.”

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Minh Huân, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì hội thảo.

Phát biểu đề dẫn hội thảo, Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Minh Huân cho rằng, trong bối cảnh cả nước đang vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cùng với yêu cầu đổi mới quản trị theo hướng dựa trên dữ liệu, công nghệ, kết quả đầu ra và trách nhiệm giải trình, việc nghiên cứu, thí điểm xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Sau gần 100 năm lãnh đạo cách mạng và gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhận thức, lý luận của Đảng về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam ngày càng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng xác định rõ mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam được cấu thành bởi ba trụ cột lớn: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Minh Huân, các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều hướng tới mục tiêu lấy chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của con người làm trung tâm.

Vì vậy, chủ nghĩa xã hội chỉ thực sự có ý nghĩa khi được hiện thực hóa trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Trong tiến trình đó, xã, phường - cấp chính quyền gần dân nhất - phải trở thành không gian quan trọng nhất để chuyển hóa các nguyên lý và giá trị của chủ nghĩa xã hội Việt Nam từ tầm nhìn vĩ mô thành thực tiễn cụ thể.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ Đoàn Minh Huân, Việt Nam hiện đã tích lũy được nhiều tiền đề thực tiễn để chuyển từ mô hình “quản lý hành chính” sang “quản trị phát triển cộng đồng.” Việc xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa vì thế không chỉ cần thiết mà còn phù hợp với yêu cầu phát triển mới của đất nước. Mục tiêu đến năm 2045 đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ chỉ thực sự có ý nghĩa khi được hiện thực hóa trong những không gian sống cụ thể, nơi người dân trực tiếp cảm nhận được chất lượng quản trị, mức độ công bằng, chất lượng dịch vụ công, môi trường văn hóa và điều kiện phát triển con người.

Phát biểu tại hội thảo, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh, xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa là vấn đề rất mới, đòi hỏi phải làm rõ không chỉ tiêu chí mà cả cách thức triển khai. Đây không phải là sự quay trở lại mô hình bình quân, bao cấp hay quản lý hành chính kiểu cũ, mà hướng tới xây dựng các cộng đồng cơ sở văn minh, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa quản trị hiện đại với các giá trị tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Theo Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng, xã, phường xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới cần được xây dựng như một cộng đồng dân chủ, pháp quyền, kỷ cương, an toàn, xanh, số, mở, nhân văn, phát triển và hạnh phúc.

Trong đó, dân chủ phải trở thành nền tảng của niềm tin xã hội và sức mạnh cộng đồng; pháp quyền phải gắn với minh bạch và quản trị phục vụ; chuyển đổi số phải góp phần mở rộng dân chủ, nâng cao tính minh bạch và phục vụ người dân tốt hơn. Đồng thời, mọi chính sách ở cấp cơ sở phải lấy con người làm trung tâm, hướng tới nâng cao chất lượng sống, củng cố gắn kết cộng đồng và tạo điều kiện để người dân phát triển toàn diện.

Tại hội thảo, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội Vũ Đại Thắng cho biết, thành phố đang nghiên cứu xây dựng Đề án triển khai thí điểm mô hình “xã, phường xã hội chủ nghĩa” nhằm cụ thể hóa bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa ngay từ cấp gần dân nhất. Theo đó, mọi chính sách và hoạt động đều hướng tới người dân, vì hạnh phúc của nhân dân, bảo đảm công bằng, tiến bộ và không để ai bị bỏ lại phía sau.

Đề án cũng hướng tới xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành hình mẫu tiêu biểu về phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại, nơi các giá trị văn hiến được gìn giữ và phát huy trong điều kiện mới. Đề án xác định mục tiêu tổng quát là xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại - Hạnh phúc” thông qua lựa chọn địa bàn để tổ chức thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa, từ đó kiểm nghiệm thực tiễn, hoàn thiện cơ chế, chính sách và từng bước nhân rộng trên phạm vi toàn thành phố.

Khái niệm “xã, phường xã hội chủ nghĩa” được xác định là mô hình tổ chức phát triển và quản trị tích hợp ở cấp cơ sở, trong đó xã, phường không chỉ thực hiện chức năng hành chính mà còn là đơn vị trực tiếp chuyển hóa các mục tiêu, giá trị và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội thành kết quả phát triển cụ thể trên địa bàn.

Dự thảo Đề án xây dựng 8 nội dung cốt lõi, gồm: Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; phát triển hạ tầng hiện đại và không gian sống thông minh; phát triển kinh tế gắn với lực lượng sản xuất hiện đại; bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bao trùm; phát triển văn hóa, con người Hà Nội thanh lịch, văn minh; xây dựng môi trường sống xanh, an toàn và bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các nội dung này gắn kết hữu cơ với nhau nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sống và hạnh phúc của người dân.

Đề án cũng xây dựng hệ thống 54 tiêu chí cụ thể để lượng hóa và đánh giá hiệu quả triển khai mô hình, trong đó có 2 chỉ số tổng hợp là “Chỉ số hạnh phúc của người dân” và “Mức độ hài lòng chung.”

Hệ thống tiêu chí bao trùm nhiều lĩnh vực từ phát triển kinh tế, việc làm, thu nhập, quy hoạch hạ tầng, y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường, quốc phòng, an ninh đến chuyển đổi số và mức độ tham gia của người dân vào quản trị xã hội.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội thông tin thêm, dự thảo Đề án đề xuất 3 phương án triển khai thí điểm, với kỳ vọng đến năm 2030 cơ bản xây dựng được một mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu phát triển mới, có khả năng thu hút khoảng 700.000 người dân sinh sống.

Tổng nguồn lực dự kiến cho Đề án trong giai đoạn 2026 - 2030 gồm hơn 9.763 tỷ đồng vốn đầu tư công và khoảng 181.517 tỷ đồng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Các đại biểu dự hội thảo cho rằng, việc xây dựng mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa không chỉ nhằm đổi mới quản trị cơ sở mà còn góp phần tạo dựng nền tảng phát triển bền vững cho đất nước trong dài hạn. Đây được xem là bước đi nhằm cụ thể hóa các giá trị và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội Việt Nam ngay từ cấp cơ sở, nơi gần dân nhất và cũng là nơi người dân cảm nhận rõ nhất hiệu quả của quản trị quốc gia...

Nguồn: vietnamplus.vn

KHẮC PHỤC BẤT CẬP VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC LĨNH VỰC ĐẶC THÙ

Thực tiễn vận hành chính quyền địa phương hai cấp cho thấy, tại một số lĩnh vực đặc thù, chuyên biệt đang thiếu vị trí việc làm hoặc chưa rõ mô tả công việc. Điều này dẫn việc hoạt động cầm chừng, hình thức, hiệu quả chưa cao tại một số nơi.

Có chính sách nhưng thiếu người làm

Đại biểu Quốc hội Đỗ Đức Hồng Hà (Đoàn thành phố Hà Nội) cho rằng: Sau quá trình sáp nhập các cơ quan, địa phương, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới có nhiều biến động, phần lớn là người mới kiêm nhiệm, thường xuyên luân chuyển, thiếu tính ổn định và thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Vì vậy, đang luẩn quẩn trong việc bổ nhiệm cán bộ kiêm nhiệm, đào tạo, tập huấn, luân chuyển, sáp nhập cơ quan rồi lại đào tạo người mới từ đầu. Sự “đứt gãy” này khiến các chính sách triển khai từ Trung ương khi xuống cơ sở bị “roi rụng” hoặc thực hiện hình thức; việc lồng ghép nhiệm vụ cho cán bộ kiêm nhiệm đang vô hình làm mờ nhạt trách nhiệm chuyên trách.

Đại biểu Đỗ Đức Hồng Hà nêu thí dụ: Sau quá trình sáp nhập các cơ quan, địa phương, đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới có nhiều biến động, phần lớn là người mới kiêm nhiệm, thường xuyên luân chuyển, thiếu tính ổn định và thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Vì vậy, đang luẩn quẩn trong việc bổ nhiệm cán bộ kiêm nhiệm, đào tạo, tập huấn, luân chuyển, sáp nhập cơ quan rồi lại đào tạo người mới từ đầu. Sự “đứt gãy” này khiến các chính sách triển khai từ Trung ương khi xuống cơ sở bị “roi rụng” hoặc thực hiện hình thức; việc lồng ghép nhiệm vụ cho cán bộ kiêm nhiệm đang vô hình làm mờ nhạt trách nhiệm chuyên trách.

Thực trạng nêu trên làm gia tăng những thách thức không chỉ ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em gái mà còn cản trở sự phát triển bền vững của đất nước. Đại biểu Quốc hội Chamaléa Thị Thủy (Đoàn Khánh Hòa) phản ánh, bạo lực gia đình, bạo lực giới và nạn buôn người vẫn là vấn đề nhức nhối. Nhiều nạn nhân không dám lên tiếng, chịu đựng bạo lực giới trong im lặng hoặc không biết tìm kiếm sự giúp đỡ ở đâu. Các dịch vụ hỗ trợ như tư vấn tâm lý, pháp lý hay y tế vì nhiều trở ngại, vẫn khó đến được với tất cả người dân, nhất là ở những nơi xa xôi, điều kiện địa lý quá cách trở...

Tại một số tỉnh miền núi, tỷ lệ trẻ em gái kết hôn sớm, sinh con khi chưa đủ tuổi vẫn còn. Điều này làm gián đoạn con đường học tập, tìm việc làm khiến các em phải đối mặt nguy cơ nghèo và bất bình đẳng thế hệ.

Các đại biểu kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới ngay trong năm 2026 để khắc phục các bất cập và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Trước mắt, Bộ Nội vụ cần khẩn trương rà soát và quy định rõ vị trí việc làm chuyên trách hoặc có mô tả công việc cụ thể với trọng số thời gian bắt buộc dành cho công tác bình đẳng giới và bổ sung giải pháp xây dựng cơ chế giữ chân cán bộ.

Vấn đề cũng nhận được nhiều kiến nghị hiện nay là việc phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh, cấp xã phải phù hợp thực tiễn, nhất là đối với các đơn vị chuyên biệt, đặc thù. Đại biểu Quốc hội Lê Thị Thanh Xuân (Đoàn Đắk Lắk) nêu thực tế tại địa phương, việc quản lý các trường dân tộc nội trú trung học cơ sở và các trường phổ thông nội trú liên cấp đã phân cấp cho chính quyền cấp xã; tuy nhiên công tác tham mưu, quản lý chưa đạt yêu cầu do phòng văn hóa, xã hội của xã chỉ có một chuyên viên nhưng cùng lúc đang thực hiện nhiệm vụ liên quan tới bảy sở, ngành.

Sắp xếp nhân sự hoạt động không chuyên trách

Tại Nghị quyết số 122/NQ-CP, phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2026, Chính phủ yêu cầu khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp tổ dân phố, thôn, bản và các đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

Đại biểu Quốc hội Nguyễn Đăng Ân (Đoàn Lạng Sơn) nêu thực tế, Lạng Sơn hiện có khối phố rộng tới 6,44km² nhưng chỉ có 75 hộ dân, nếu tiếp tục sáp nhập thì diện tích một khối phố có thể lên đến hơn 10km², trong khi hạ tầng giao thông và hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng tốt thì bí thư, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố rất khó bao quát công việc. Việc khẩn trương ban hành quy định về hoạt động của thôn, tổ dân phố là cơ sở quan trọng giúp địa phương kịp thời tham mưu các nội dung về sắp xếp, tinh gọn, về chế độ, chính sách với người hoạt động không chuyên trách...

Thí dụ, cách đây gần một năm, các tỉnh đã phê duyệt danh sách người hoạt động không chuyên trách nghỉ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025, nhưng hiện nay Chính phủ cho phép nơi nào còn biên chế và cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, chuyên môn, nghiệp vụ thì thực hiện tuyển dụng thẳng vào công chức cấp xã. Trường hợp được cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân đồng thuận thì có thể bố trí đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hoặc tiếp tục giải quyết theo chính sách hiện hành để bảo đảm đến ngày 31/5/2026 xử lý dứt điểm.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có khung hướng dẫn sẽ bố trí gần 60.000 người này như thế nào trong bối cảnh vị trí việc làm hạn chế cũng như các chức danh không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tương đối đầy đủ. Vì thế, nếu các địa phương triển khai không dựa trên nguyên tắc nhất quán có thể nảy sinh bất cập, tiêu cực. Nhiều đại biểu Quốc hội đề nghị khẩn trương ban hành các quy định, nguyên tắc về cơ chế tuyển dụng mang tính chất linh hoạt, chủ động nhưng phải thống nhất và hơn nữa là gấp rút xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm đội ngũ này hoạt động hiệu quả, bắt nhịp được ngay trong giai đoạn phát triển mới.

Nguồn: nhandan.vn

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CỦA 11 LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Cụ thể, Nghị quyết cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh của 11 lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường gồm: trồng trọt và bảo vệ thực vật; chăn nuôi và thú y; thủy sản và kiểm ngư; thủy lợi; quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai; đất đai; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản; môi trường; khí tượng thủy văn; quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực đất đai

Đối với lĩnh vực đất đai, Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh cụ thể như sau:

- Không thực hiện thủ tục hành chính cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai quy định tại điểm i khoản 1 Điều 223 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Phần VI, Phụ lục I Nghị định số 151/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin và Thông tư số 56/2024/TT-BTC về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.

- Không thực hiện điều kiện kinh doanh về kinh doanh dịch vụ xác định giá đất tại khoản 3 Điều 162 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Điều 36 Nghị định 71/2024/NĐ-CP quy định về giá đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP.

Cắt giảm, đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường

Về lĩnh vực môi trường, Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính sau:

1- Không thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và thủ tục hành chính Điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường quy định tại Điều 110 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; các Điều 90, 91, 92, 93, 94 và 95 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; khoản 45 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; các Điều 25, 26 và 27 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; các Điều 49, 50 và 51 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 26 Thông tư số 09/2026/TT-

BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT.

2- Không thực hiện thủ tục hành chính thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (cấp trung ương và cấp tỉnh) quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 và khoản 8 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 13 và Phụ lục Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Điều 3 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3- Không thực hiện thủ tục hành chính cấp lại giấy phép môi trường (cấp trung ương và cấp tỉnh) quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Điều 10 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Điều 11 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

4- Không thực hiện thủ tục hành chính cung cấp thông tin môi trường quy định tại khoản 3 Điều 114, Điều 116 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 101 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 58 và Điều 62 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5- Không thực hiện thủ tục hành chính cấp đổi quyết định chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam quy định tại Điều 145 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 148 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 30 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

6- Đơn giản hóa quy định đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường quy định tại Điều 28 và Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 25 và các Phụ lục II, III và IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 35 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

7- Đơn giản hóa quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 9 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; khoản 2 Điều 24 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

8- Đơn giản hóa quy định đối tượng thực hiện thủ tục hành chính chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam quy định tại Điều 145 Luật Bảo vệ môi trường; các Điều 145, 146, 147 và 149 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP đối với trường hợp không đăng ký hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

Phân quyền cấp giấy phép môi trường và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Nghị quyết cũng phân quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường như sau:

1- Phân quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (một phần) quy định tại Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 7 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; các Phụ lục số II, III, IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Điều 35 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Điều 4, 5, 6, Mẫu số 04 Mục 1 Phụ lục Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

2- Phân quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (một phần) quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 11 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Nghị quyết nêu rõ: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổ chức thi hành và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền; soạn thảo, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01/3/2027; công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân quyền tại Nghị quyết này; công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được phân quyền tại Nghị quyết này cho cơ quan, người có thẩm quyền được phân quyền.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/5/2026 đến hết ngày 28/02/2027

Nguồn: chinhphu.vn

TỪ 01/7/2026 CHỈ CÒN 142 NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP về cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, từ ngày 01/7/2026, số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ giảm từ 198 xuống còn 142.

Cắt giảm, sửa đổi những ngành, nghề mà điều kiện đầu tư kinh doanh không rõ ràng, có tính chất tương tự nhau

Việc cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Cắt giảm những ngành, nghề không thật sự cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Đầu tư.

Cắt giảm những ngành, nghề mà điều kiện đầu tư kinh doanh có thể nghiên cứu quản lý thông qua tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề để quản lý theo phương thức hậu kiểm.

Cắt giảm, sửa đổi những ngành, nghề mà điều kiện đầu tư kinh doanh không rõ ràng hoặc có tính chất tương tự nhau, đã được kiểm soát thông qua hoạt động quản lý khác hoặc những ngành, nghề mà từ khi được quy định cho đến nay vẫn chưa ban hành được điều kiện đầu tư kinh doanh hoặc đã không còn quy định điều kiện đầu tư kinh doanh.

Ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật đối với những ngành, nghề được cắt giảm; xây dựng quy trình, thủ tục để quản lý theo phương thức hậu kiểm trước ngày 01/7/2026

Nghị quyết 66.17/2026/NQ-CP ban hành Danh mục 142 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện gồm: kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm, vàng, xăng dầu, vận tải hàng không, bất động sản, dịch vụ viễn thông, dịch vụ khám chữa bệnh, hoạt động giáo dục đại học, phổ thông và mầm non; kinh doanh dịch vụ viễn thông và mạng xã hội; hành nghề luật sư, công chứng và giám định tư pháp...

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm nghiên cứu, quy định giải pháp, phương án quản lý thay thế đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được bãi bỏ, sửa đổi tại Nghị quyết này, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

Chính phủ giao Bộ Tài chính chịu trách nhiệm rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề đối với những ngành, nghề được cắt giảm tại Nghị quyết này (trong trường hợp cần thiết), từ đó xây dựng quy trình, thủ tục để quản lý theo phương thức hậu kiểm trước ngày 01/7/2026. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành để ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết này.

Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nghề trong trường hợp này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi; không để sơ hở, tham nhũng, tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 206/2025/QH15.

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư đã được cắt giảm theo quy định của Nghị quyết này, tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc hình thức văn bản cho phép đầu tư, kinh doanh khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp đến hết thời hạn của văn bản, giấy tờ đó.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết của Chính phủ có quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành và thời điểm

có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết này được ký ban hành đến hết ngày 28/02/2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nếu quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nguồn: [chinhphu.vn](#)

QUY ĐỊNH MỚI VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI GIỮ CHỨC VỤ

Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2026/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị.

Nghị định gồm 9 chương, 42 điều quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm: trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập; kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập và tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch hằng năm; trình tự, thủ tục xác minh tài sản, thu nhập; bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Tài sản, thu nhập phải kê khai

Về kê khai tài sản, thu nhập, Nghị định quy định như sau:

1. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai bao gồm:

a) Quyền sử dụng đất;

b) Nhà ở, công trình xây dựng;

c) Tài sản khác gắn liền với đất;

d) Vàng, kim cương, bạch kim và các kim khí quý, đá quý khác mà mỗi loại có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

đ) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên;

e) Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

g) Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

h) Các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

- i) Tài sản ở nước ngoài;
- k) Tài khoản ở nước ngoài;
- l) Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.

2. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo mẫu bản kê khai được ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Việc kê khai trên môi trường điện tử để bảo đảm thuận lợi cho việc lưu trữ, kiểm soát tài sản, thu nhập khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.

Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên có nghĩa vụ kê khai hằng năm

Về người có nghĩa vụ kê khai hằng năm, Nghị định quy định, người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm:

1. Người giữ chức vụ từ Trưởng phòng và tương đương có phụ cấp chức vụ từ 0,25 trở lên công tác tại các cơ quan nhà nước; Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại doanh nghiệp nhà nước ở các vị trí việc làm phụ trách trực tiếp công tác: tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Công khai bản kê khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Nghị định quy định việc công khai bản kê khai đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 2, 3 và 7 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như sau:

a) Bản kê khai của người giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng và tương đương trở lên công tác tại các cơ quan trung ương được niêm yết tại trụ sở bộ, cơ quan ngang bộ hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo từ cấp cục, vụ và tương đương trở lên;

Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống được niêm yết tại đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm lãnh đạo cấp phòng trở lên trong đơn vị, nơi không tổ chức đơn vị cấp phòng thì tại cuộc họp toàn thể đơn vị. Bản kê khai của những người khác được niêm yết tại phòng, ban, đơn vị hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị; nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc tổ, đội, nhóm;

b) Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc sở, ngành cấp tỉnh, được niêm yết tại trụ sở cơ quan hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc sở ngành.

Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức cơ quan nơi người đó thường xuyên công tác;

c) Bản kê khai của những người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được niêm yết tại trụ sở doanh nghiệp nhà nước hoặc nơi người có nghĩa vụ kê khai thường xuyên công tác hoặc công khai tại cuộc họp gồm Ủy viên Hội đồng thành viên, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các tổng công ty, công ty trực thuộc tập đoàn, tổng công ty, Trưởng các đoàn thể trong tập đoàn, tổng công ty nhà nước;

d) Bản kê khai của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp như được nêu tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Việc công khai bản kê khai tại cuộc họp đối với những người thuộc phạm vi kiểm soát của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện như quy định tại khoản 1 nêu trên và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

4. Thời gian niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải bảo đảm an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai.

Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn (nếu có).

5. Cuộc họp công khai bản kê khai phải bảo đảm có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và Thủ trưởng đơn vị tham mưu công tác kê khai tài sản, thu nhập hoặc đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).

6. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trên môi trường điện tử thay thế cho việc công khai theo quy định tại khoản 1 nêu trên khi điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ được đáp ứng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỒI DƯỠNG CÁN BỘ ĐỐI NGOẠI THÍCH ỨNG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà vừa ký Quyết định số 892/QĐ-TTg phê duyệt Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế trong kỷ nguyên mới giai đoạn 2026 - 2031 (Đề án).

Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng nhân lực, năng lực hội nhập quốc tế của đội ngũ cán bộ đối ngoại

Mục tiêu chung của Đề án nhằm góp phần thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, đặc biệt là chủ trương, đường lối về xây dựng đội ngũ cán bộ của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2024 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và các mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Trung ương khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Xây dựng đội ngũ làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt, chuyên môn phù hợp, thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, có cơ cấu hợp lý, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng nhân lực và năng lực hội nhập quốc tế của đội ngũ cán bộ các cấp, ngang tầm với trình độ khu vực.

Giai đoạn 1 (2026 - 2028), phần đầu 30% - 40% cán bộ và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên của các cơ quan Trung ương, các địa phương được bồi dưỡng các năng lực cần thiết để làm việc trong môi trường quốc tế.

Phần đầu 30% - 40% cán bộ và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên của các cơ quan Trung ương, các địa phương được bồi dưỡng các năng lực cần thiết để làm việc trong môi trường quốc tế.

Giai đoạn 2 (2029 - 2031), phần đầu 70% - 80% cán bộ và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên của các cơ quan Trung ương, các địa phương được bồi dưỡng các năng lực cần thiết để làm việc trong môi trường quốc tế.

Phần đầu 50% - 60% cán bộ và công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên của các cơ quan Trung ương, các địa phương được bồi dưỡng các năng lực cần thiết để làm việc trong môi trường quốc tế.

Thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đặt ra 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Nhóm giải pháp về tuyên truyền, nâng cao nhận thức.
- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách.
- Nhóm giải pháp về xác định các yêu cầu năng lực cần có để làm việc trong môi trường quốc tế.

4- Nhóm giải pháp về tổ chức, triển khai bồi dưỡng năng lực làm việc trong môi trường quốc tế cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

5- Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng.

Chú trọng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ chuyên gia chuyên sâu

Trong đó, đối với *nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách*, Đề án tích cực lồng ghép công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, nhu cầu sử dụng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của từng cơ quan, tổ chức để đảm bảo tính hiệu quả.

Tạo điều kiện cử cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế tham gia Kế hoạch bồi dưỡng các năng lực cơ bản cần thiết để làm việc trong môi trường quốc tế của Đề án.

Chú trọng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ chuyên gia chuyên sâu trên các lĩnh vực theo yêu cầu đặc thù của từng bộ, ngành, địa phương. Khuyến khích các bộ, ngành, địa phương căn cứ Khung năng lực chung của Đề án chủ động xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Có cơ chế chính sách để phát huy, sử dụng đội ngũ chuyên gia, chuyên sâu về đối ngoại

Đối với *nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng*, Đề án thực hiện đổi mới cách thức xây dựng, tổ chức, triển khai chương trình, tài liệu bồi dưỡng, bám sát các yêu cầu công việc thực tế của cán bộ gắn với các tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm. Đảm bảo hiệu quả và tính hỗ trợ cho các chương trình, đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế đang được triển khai.

Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong công tác bồi dưỡng, đẩy mạnh số hóa các nội dung kiến thức cơ bản trên nền tảng số để tăng mức độ tiếp cận đối với các cán bộ tại các địa phương.

Kết hợp nhuần nhuyễn giữa bồi dưỡng thông qua việc cung cấp kiến thức, kỹ năng cho học viên, với rèn luyện, trải nghiệm qua thực tế công việc và nỗ lực trau dồi của mỗi cá nhân.

Chuyển dần từ bồi dưỡng theo hình thức đại trà, đến khu biệt hóa, cá nhân hóa bồi dưỡng theo các chức danh, vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu bổ sung kiến thức, kỹ năng mà cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế còn thiếu hụt.

Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, trong đó có cơ chế chính sách để phát huy, sử dụng đội ngũ chuyên gia, chuyên sâu về đối ngoại, làm việc trong môi trường quốc tế, nhất là các cá nhân có uy tín, đã giữ những trọng trách, vị trí quan trọng trong và ngoài nước, đã xây dựng được mạng lưới quan hệ phối hợp rộng rãi trong và ngoài nước. Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực, trình độ và phương pháp sư phạm cho giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng...

Nguồn: chinhphu.vn

KHÔNG ĐỂ GIÁN ĐOẠN VIỆC THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà vừa ký văn bản số 527/TTg-CĐS ngày 18/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh bảo đảm thực chất, phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý.

Văn bản nêu rõ, triển khai Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, Chính phủ đã ban hành 8 Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, 3 Nghị quyết theo cơ chế của Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Thủ tướng Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, nhất là Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Chính phủ đã tích cực, chủ động phối hợp để rà soát, kịp thời đề xuất Chính phủ ban hành các Nghị quyết trên nhằm tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống của người dân, doanh nghiệp.

Phối hợp chặt chẽ với các địa phương để triển khai các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ

Để triển khai kịp thời, đồng bộ, thông suốt các Nghị quyết được Chính phủ ban hành, không để gián đoạn việc thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo đúng chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao tại 8 Nghị quyết ban hành ngày 29/4/2026 và các nhiệm vụ: (i) hướng dẫn thi hành 8 Nghị quyết đã được ban hành, nhất là các trình tự, thủ tục để triển khai các thủ tục hành chính đã phân cấp về địa phương; ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các Nghị quyết của Chính phủ (mục 1 (a) Văn bản số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026); (ii) xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh còn cần phải tiếp tục thực hiện theo Báo cáo số 312/BC-BTP này 07/5/2026 của Bộ Tư pháp (mục 2 Văn bản số 484/TTg-CĐS ngày 09/5/2026); bảo đảm tiến độ, chất lượng, hoàn thành trước ngày 20/5/2026; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tư pháp trước ngày 22/5/2026, đồng thời gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi.

Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được cắt giảm, đơn giản hóa, phân cấp tại 03

Nghị quyết: số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026, số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, thời hạn công bố, công khai theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và đầu tư.

Đồng thời, rà soát, ban hành ngay theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung bảo đảm thi hành đồng bộ với các Nghị quyết của Chính phủ; hướng dẫn địa phương bố trí nguồn lực, đào tạo, tập huấn, bảo đảm địa phương tiếp nhận, thực hiện thông suốt các thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền ngay khi quy định có hiệu lực; phối hợp chặt chẽ với các địa phương để triển khai các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ; hoàn thành trước ngày 10/6/2026; có văn bản báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tư pháp trước ngày 12/6/2026, đồng thời gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi.

Tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc do người dân, doanh nghiệp phản ánh

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã cắt giảm, khẩn trương rà soát, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc biện pháp quản lý thay thế phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn Việt Nam, giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh cho người dân; bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm với việc cắt giảm ngành nghề, thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tuyệt đối không để xảy ra khoảng trống pháp lý, lỗ hổng trong quản lý nhà nước.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện phương án cắt giảm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhất là các ngành, nghề đã dự kiến cắt giảm trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP; phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất trong quá trình sửa đổi Luật Đầu tư năm 2025, bảo đảm thực chất, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu quản lý.

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh đã được sửa đổi tại Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP nhưng các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tương ứng chưa được cắt giảm, đơn giản hóa, sửa đổi, bổ sung; cần phải rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong các ngành, nghề này, để tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện, giám sát của người dân, doanh nghiệp cũng như thống nhất trong quá trình áp dụng của các cơ quan quản lý.

Tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ ngay theo thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc do người dân, doanh nghiệp và các địa phương phản ánh, kiến nghị trong quá trình thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Nghiêm cấm việc quy định thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh hoặc các biện pháp quản lý không cần thiết, làm tăng chi phí tuân thủ đối với người dân, doanh nghiệp.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương tiếp nhận, tổ chức triển khai, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn thực hiện ngay các thủ tục hành chính đã được phân cấp theo hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương, tuyệt đối không để xảy ra gián đoạn. Công bố, công khai thủ tục hành chính; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương để: (i) triển khai các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải

quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành; (ii) tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức địa phương và (iii) tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính được phân cấp.

Tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ ngay theo thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc do người dân, doanh nghiệp và các xã, phường, đặc khu trên địa bàn phản ánh, kiến nghị trong quá trình thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Thí điểm đánh giá, chấm điểm công tác cải cách thủ tục hành chính của các bộ, cơ quan, địa phương

Bộ Tư pháp thường xuyên đánh giá độc lập kết quả thực hiện 11 Nghị quyết, các văn bản sửa đổi, bổ sung đồng bộ với các Nghị quyết và việc thực hiện nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh của các Bộ, cơ quan, địa phương; lồng ghép vào Báo cáo tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính định kỳ hằng tháng; trường hợp có các vấn đề vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý.

Khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 6/2026 Đề án thí điểm đánh giá, chấm điểm công tác cải cách TTHC của các bộ, cơ quan, địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 245/TB-VPCP ngày 12/5/2026, đưa vào áp dụng từ tháng 7/2026. Nội dung của Đề án phải quy định rõ tiêu chí để đánh giá tính thực chất của việc cắt giảm, đơn giản hóa và cơ chế kiểm soát chặt chẽ, tuyệt đối không để phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết kể từ thời điểm ban hành 11 Nghị quyết; bảo đảm sự tham gia đánh giá của người dân, cộng đồng doanh nghiệp và các địa phương; phát huy vai trò đánh giá độc lập của Bộ Tư pháp và vai trò điều phối của Văn phòng Chính phủ.

Nguồn: chinhphu.vn

TẬP TRUNG HOÀN THÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ ĐẤT ĐAI TRONG NĂM 2026

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng vừa ký văn bản số 530/TTg-NN ngày 19/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai là nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp bách, phải hoàn thành trong năm 2026 theo yêu cầu của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 và đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 và Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 8/5/2026. Mặc dù địa phương đã có nhiều nỗ lực triển khai các nhiệm

vụ, giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tuy nhiên thời gian cho việc triển khai, thực hiện không còn nhiều, trong khi khối lượng công việc phải hoàn thành rất lớn.

Để bảo đảm thực hiện đúng chỉ đạo của Trung ương, đúng tiến độ, chất lượng, Thủ tướng Chính phủ đề nghị các đồng chí Bí thư Thành ủy, Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tập trung, quyết liệt triển khai đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong năm 2026; trong đó, tập trung: rà soát toàn bộ khối lượng công việc, xây dựng kế hoạch, tiến độ thực hiện chi tiết; phân công rõ cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm theo tinh thần “6 rõ”; thiết lập cơ chế theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ thường xuyên; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân chậm trễ, thiếu trách nhiệm, báo cáo không đúng thực chất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả chỉ đạo của Trung ương và các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/2/2026 và Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 08/5/2026; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tiến độ và chất lượng.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo; phát huy vai trò đầu mối theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo theo đúng nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

Nguồn: chinhphu.vn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT SẮP XẾP LẠI HƠN 89.500 THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRƯỚC NGÀY 30/6/2026

Bộ Tư pháp đang thẩm định dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do Bộ Nội vụ xây dựng.

Dự thảo được xây dựng trong bối cảnh việc sắp xếp thôn, tổ dân phố thời gian qua đã đạt nhiều kết quả quan trọng, song thực tiễn quản lý ở cơ sở tiếp tục đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện quy định pháp luật, nhất là sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025.

Theo số liệu của Bộ Nội vụ, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và các quy định của pháp luật hiện hành, số lượng thôn, tổ dân phố trên cả nước đã giảm từ 136.824 đơn vị năm 2015 xuống còn 89.574 đơn vị năm 2025, giảm 47.250 thôn, tổ dân phố, tương đương 34,53%.

Tuy nhiên, Bộ Nội vụ cho biết hiện vẫn còn nhiều thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí về quy mô số hộ gia đình theo quy định hiện hành; quy mô cũng không đồng đều giữa các vùng, miền. Cả nước còn khoảng 21.199 thôn dưới 150 hộ, tập trung chủ yếu tại khu vực

miền núi phía Bắc. Trong khi đó, tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tổ dân phố có quy mô lớn, trên 1.000 hộ.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, bình quân số thôn, tổ dân phố trên mỗi đơn vị hành chính cấp xã tăng mạnh, từ khoảng 9 thôn, tổ dân phố/xã lên khoảng 27 thôn, tổ dân phố/xã. Cụ thể, từ 89.574 thôn, tổ dân phố trên 10.035 đơn vị hành chính cấp xã, sau sắp xếp còn 89.574 thôn, tổ dân phố trên 3.321 đơn vị hành chính cấp xã. Điều này làm tăng số lượng đầu mối, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền cấp xã, trong khi các quy định hiện hành chưa được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Sắp xếp phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Về thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nguyên tắc để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu quản lý của chính quyền cấp xã.

Theo đó, việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; dân chủ, công khai, minh bạch; phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội, đặc điểm dân cư, phong tục, tập quán và nguyện vọng của cộng đồng dân cư.

Dự thảo cũng nhấn mạnh yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

Quy định tiêu chí quy mô hộ gia đình theo từng vùng, miền

Một nội dung đáng chú ý của dự thảo là quy định cụ thể tiêu chí quy mô số hộ gia đình đối với thôn, tổ dân phố theo từng vùng, miền. Việc xây dựng tiêu chí này được thực hiện trên cơ sở rà soát quy định hiện hành, đánh giá mức độ tập trung dân cư và yêu cầu quản lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, nhằm tạo căn cứ thống nhất để các địa phương thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trong cả nước.

Cụ thể, dự thảo quy định: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: thôn có từ 500 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 700 hộ trở lên; Vùng Trung du và miền núi phía Bắc: thôn có từ 150 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 300 hộ trở lên; Vùng Đồng bằng sông Hồng: thôn có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 550 hộ trở lên; Vùng Bắc Trung Bộ: thôn có từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 450 hộ trở lên; Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: thôn có từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên (Riêng các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng và Đắk Lắk, thôn có từ 300 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 450 hộ trở lên); Vùng Đông Nam Bộ: thôn có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 550 hộ trở lên; Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: thôn có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 550 hộ trở lên.

Bên cạnh tiêu chí về số hộ gia đình, dự thảo Nghị định còn quy định thôn, tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội thiết yếu phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Đồng thời, dự thảo giao Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định quy mô thôn, tổ dân phố phù hợp đối với các địa bàn biên giới, hải đảo, địa hình chia cắt phức tạp hoặc có yếu tố đặc thù khác.

Xử lý các trường hợp đặc biệt phát sinh trong thực tiễn

Dự thảo Nghị định cũng bổ sung quy định về thành lập thôn, tổ dân phố trong một số trường hợp đặc biệt phát sinh từ thực tiễn. Mục tiêu là đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận lợi cho công tác quản lý của chính quyền cấp xã và sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

Các trường hợp đặc biệt gồm: Chuyển đổi thôn thành tổ dân phố khi thành lập phường; ghép khu dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có khi chưa đủ điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố; chuyển giao quản lý đối với các thôn, tổ dân phố xâm canh, xâm cư.

Về trình tự, thủ tục và hồ sơ thực hiện, dự thảo kế thừa quy trình hiện hành nhưng sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng đề án; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

Đối với những nơi không tổ chức cấp chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án và quyết định theo thẩm quyền.

Về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, dự thảo Nghị định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tiêu chí quy mô số hộ gia đình được quy định tại Nghị định để rà soát, ban hành phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo đúng trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

Nguồn: [chinhphu.vn](#)

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 169/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan với nhiều điểm mới quan trọng nhằm xử lý các khó khăn, bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý hải quan; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ số trong xử phạt vi phạm hành chính và bãi bỏ những chế tài không còn phù hợp với thực tế.

Nghị định số 169/2026/NĐ-CP gồm 4 chương, 40 điều, có hiệu lực từ ngày 1/7/2026 và thay thế hoàn toàn Nghị định số 128/2020/NĐ-CP.

Khắc phục bất cập trong quá trình triển khai

Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Nghị định số 169/2026/NĐ-CP đã bổ sung nhiều quy định quan trọng. Trong đó, khoản 2 Điều 3 xác định rõ tang vật vi phạm hành chính là vật, tiền,

hàng hóa có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính; không bao gồm vật, tiền, hàng hóa đã khai hải quan theo đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, đối với vi phạm quy định về khai thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu, điểm b khoản 4 Điều 10 làm rõ hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 31 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14 và khoản 13 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15 mà cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về xử phạt đối với hành vi trốn thuế, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 169/2026/NĐ-CP bổ sung quy định để xử lý đối với các trường hợp khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng đã được Bộ Tài chính, cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế theo quy định. Cụ thể, hành vi trên bị xử phạt trong trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm đã được Bộ Tài chính, cơ quan hải quan hướng dẫn về mã số, thuế suất, mức thuế bằng một trong các hình thức: Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn; cơ quan hải quan có thông báo kết quả phân tích, phân loại hoặc có văn bản xác định trước mã số, thuế suất, mức thuế; hoặc đã có quyết định ấn định thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trước đó.

Một nội dung đáng chú ý khác là việc bổ sung quy định tại Điều 33 và khoản 7 Điều 34 về thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân. Theo đó, đối với các vụ việc sau điều tra chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan công an có thể trực tiếp xử phạt vi phạm hành chính mà không cần chuyển hồ sơ sang cơ quan Hải quan như trước đây.

Đặc biệt, nhằm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị định số 169/2026/NĐ-CP đã bổ sung quy định tại Điều 37 về xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

Bên cạnh đó, nghị định cũng bổ sung một số trường hợp không xử phạt tại khoản 2 Điều 7 và bổ sung hành vi vi phạm tại các Điều 8, 10, 12, 13, 16 tương ứng với các quy định mới tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

Loại bỏ các quy định không còn phù hợp

Nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch, cơ quan soạn thảo đã thông qua việc nghiên cứu các vụ việc vướng mắc điển hình phát sinh trong thực tế để quyết liệt loại bỏ những hành vi vi phạm không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và không xảy ra trong thực tế.

Theo đó, Nghị định số 169/2026/NĐ-CP chính thức bãi bỏ 3 quy định từng tồn tại ở Nghị định số 128/2020/NĐ-CP.

Thứ nhất là quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 về hành vi khai sai so với thực tế về lượng (tàng vật có trị giá trên 10 triệu đồng), tên hàng, chủng loại, chất lượng, trị giá hải quan, xuất xứ, mã số hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp.

Thứ hai là quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 về vi phạm quy định quản lý hàng hóa trong kho bảo thuế dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ, sổ sách kế toán, hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

Thứ ba là quy định tại khoản 8 Điều 11 về xuất nhập khẩu hàng hóa thực tế không đúng với khai hải quan về lượng, tên hàng, chủng loại mà không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định của pháp luật hải quan về khai bổ sung, trừ trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 Nghị định này.

Đảm bảo xử phạt nghiêm minh, khuyến khích người khai hải quan tự giác chấp hành

Cục Hải quan cho biết, Nghị định số 169/2026/NĐ-CP được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 128/2020/NĐ-CP và Nghị định số 102/2021/NĐ-CP, bảo đảm đồng bộ và kịp thời; đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định chi tiết và biện pháp thi hành để bảo đảm tính thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, đồng thời phù hợp với thực tiễn triển khai.

Mục tiêu cốt lõi của nghị định là bảo đảm việc xử phạt nghiêm minh nhưng có tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với thực tế; góp phần bảo đảm, duy trì trật tự quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; khuyến khích người khai hải quan, người nộp thuế chủ động tự giác chấp hành pháp luật hải quan và pháp luật có liên quan.

Nguồn: chinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Chỉ định đồng chí Thiếu tướng Phạm Văn Thanh - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 21/5/2026, tiếp nhận, bổ nhiệm ông Nguyễn Huy Dũng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên chuyên trách Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giữ chức Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Quyết định số 842/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Lê Công Lý, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

- Quyết định số 883/QĐ-TTg ngày 18/5/2026 thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế. Theo Quyết định, Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Trưởng đoàn đàm phán Chính phủ.

Các Phó Trưởng đoàn gồm: 01 Thứ trưởng Bộ Công Thương, Phó Trưởng đoàn Thường trực, giúp Trưởng đoàn điều phối hoạt động chung của Đoàn đàm phán Chính phủ, trực tiếp phụ trách công tác chuyên môn về đàm phán kinh tế và thương mại quốc tế, phụ trách các lĩnh vực trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương và thay mặt Trưởng đoàn khi được ủy quyền.

01 Thứ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trưởng đoàn, phụ trách các lĩnh vực trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính, bao gồm mở cửa thị trường của Việt Nam về thuế, hải quan, đầu tư, dịch vụ tài chính (bảo hiểm, chứng khoán), mua sắm chính phủ và các lĩnh vực khác, thay mặt Trưởng đoàn khi được ủy quyền trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

01 Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó Trưởng đoàn, phụ trách công tác đối ngoại, vận động ngoại giao, quan hệ song phương, đa phương trong đàm phán kinh tế thương mại và các lĩnh vực khác theo yêu cầu về chức năng, nhiệm vụ, thay mặt Trưởng đoàn khi được ủy quyền trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

Các thành viên gồm: 01 Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 01 Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; 01 Thứ trưởng Bộ Tư pháp; 01 Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 01 Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 Thứ trưởng Bộ Công an; 01 Thứ trưởng Bộ Y tế; 01 Thứ trưởng Bộ Nội vụ; 03 lãnh đạo cấp Vụ trưởng hoặc cấp Cục trưởng phụ trách thương mại quốc tế của Bộ Công Thương, tham gia hỗ trợ công tác thường trực của Đoàn đàm phán Chính phủ.

*** Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương**

Chỉ định ông Phạm Tất Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII, XIV, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương, Phó Bí thư Đảng ủy cơ quan, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương làm Bí thư Đảng ủy Cơ quan Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Tỉnh Lai Châu:**

Điều động, bổ nhiệm Đại tá Bùi Quyết Toán, Phó Giám đốc Công an tỉnh Ninh Bình, đến nhận công tác và giữ chức Giám đốc Công an tỉnh Lai Châu.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn